

Số/No.: 07/2026/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Ho Chi Minh City, April 20, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
The State Security Commission  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
Ho Chi Minh Stock Exchange

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: ASP
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng,  
Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh  
Address :Room 805, 8<sup>th</sup> Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang  
Street, Tan My Ward, Hochiminh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.  
The Annual Report for the year 2025 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2026 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>**

This information was published on the company's website on April 20, 2026, as in the link:  
<https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025  
The Annual Report for the year 2025.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ  
PHẦN TẬP ĐOÀN  
DẦU KHÍ AN PHA

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, Ông: Trần Duy Luân, Chức vụ: Giám đốc điều hành, Ngày: 20/04/2026 10:23:10 +0700

TRẦN DUY LUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Anpha Petrol

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2026

Sản phẩm an toàn  
Cuộc sống an toàn



# MỤC LỤC

CHƯƠNG

01

Thông tin chung

- 08 Thông tin khái quát
- 10 Quá trình hình thành phát triển
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20 Định hướng phát triển
- 24 Các rủi ro

CHƯƠNG

02

Tình hình hoạt động

- 30 Tình hình hoạt động trong năm
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 48 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

CHƯƠNG

03

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

- 56 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 58 Tình hình tài chính
- 60 Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý
- 61 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 61 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 62 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

CHƯƠNG

04

Đánh giá của hội đồng quản trị

- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 67 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG

05

Quản trị công ty

- 70 Hội đồng quản trị
- 72 Ủy ban kiểm toán
- 74 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

CHƯƠNG

06

Báo cáo tài chính

- 78 Ý kiến kiểm toán
- 80 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

# DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Với hơn 25 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh gas, Anpha Petrol đã khẳng định vị thế vững chắc khi lọt vào top 3 doanh nghiệp sở hữu thị phần gas dân dụng lớn nhất cả nước và nằm trong nhóm 4 công ty kinh doanh gas hàng đầu Việt Nam



Ra mắt **VỎ BÌNH MÀU HỒNG**, được định vị cho thị trường ven biển



Đẩy mạnh các kênh truyền thông đối với thương hiệu chủ lực **“GAS BÌNH MINH”, “GIA ĐÌNH GAS”**



Định hướng Quản trị Anpha Petrol **THEO THÔNG LỆ TỐT**



Phát triển **SẢN PHẨM LNG** với định phát triển bền vững



**ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ** vào quá trình vận hành, báo cáo và quản lý hệ thống công ty con, công ty liên kết



Sản phẩm Gas bình thương hiệu “Gia Đình Gas” của được cấp chứng chỉ hàng Việt Nam chất lượng cao các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025



Được bầu chọn vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố cho các năm: 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2023



Được bầu chọn vào top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2023 do Vietnam Report công bố.

# 01 Thông tin chung



---

|    |                                                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------|
| 08 | Thông tin khái quát                                                 |
| 10 | Quá trình hình thành phát triển                                     |
| 12 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                    |
| 14 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý |
| 20 | Định hướng phát triển                                               |
| 24 | Các rủi ro                                                          |

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

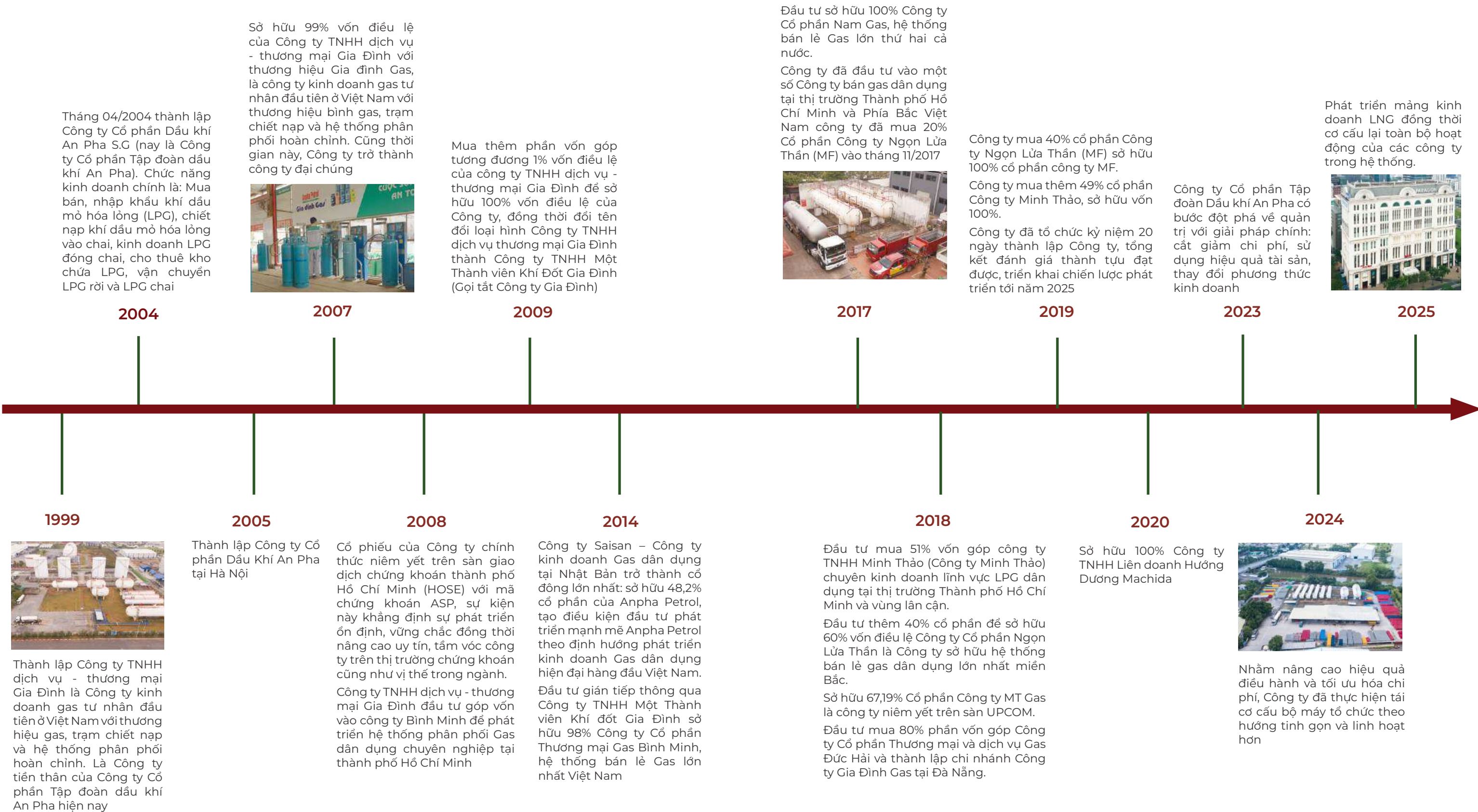
### CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

|                      |                                                                                                                                |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Tiếng Anh        | AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY                                                                                     |
| Tên viết tắt         | AnPha Petrol                                                                                                                   |
| Vốn điều lệ          | 373.399.330.000 đồng                                                                                                           |
| Vốn chủ sở hữu       | 329.801.776.479 đồng                                                                                                           |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/04/2004, cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 14/08/2025 |
| Mã cổ phiếu          | ASP                                                                                                                            |

|              |                                                                                                        |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trụ sở chính | Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Điện thoại   | (+84) 28.54136338 – (+84) 28.54136339                                                                  |
| Fax          | 028 5413 6340                                                                                          |
| Email        | info@anphapetrol.com                                                                                   |
| Website      | <a href="https://www.anphapetrol.com/">https://www.anphapetrol.com/</a>                                |



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



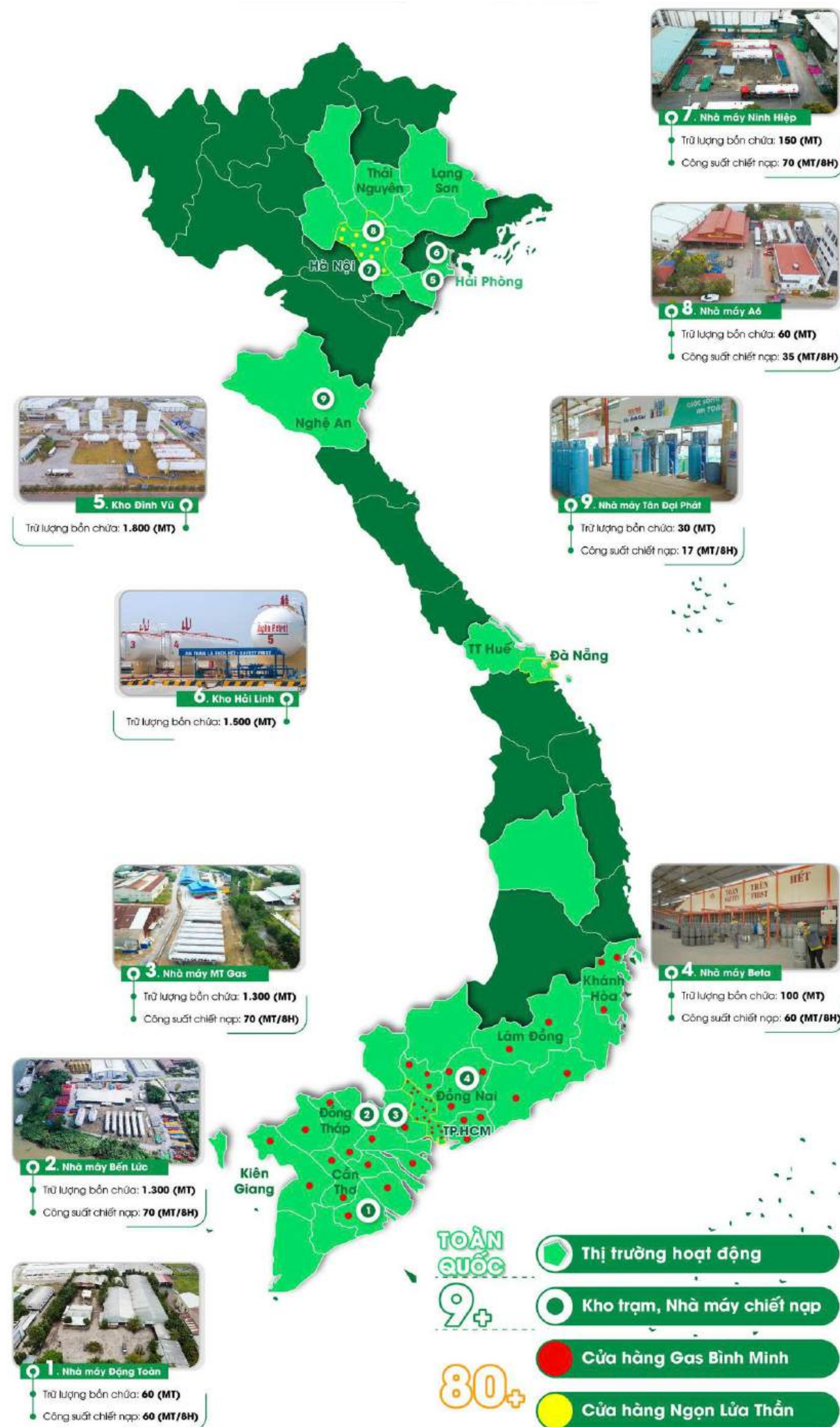
Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

- 1 Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- 2 Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- 3 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán vật tư-thiết bị dầu khí. Mua bán máy móc thiết bị ngành công- nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in). Mua bán vật tư thiết bị hàng hải. Mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng;

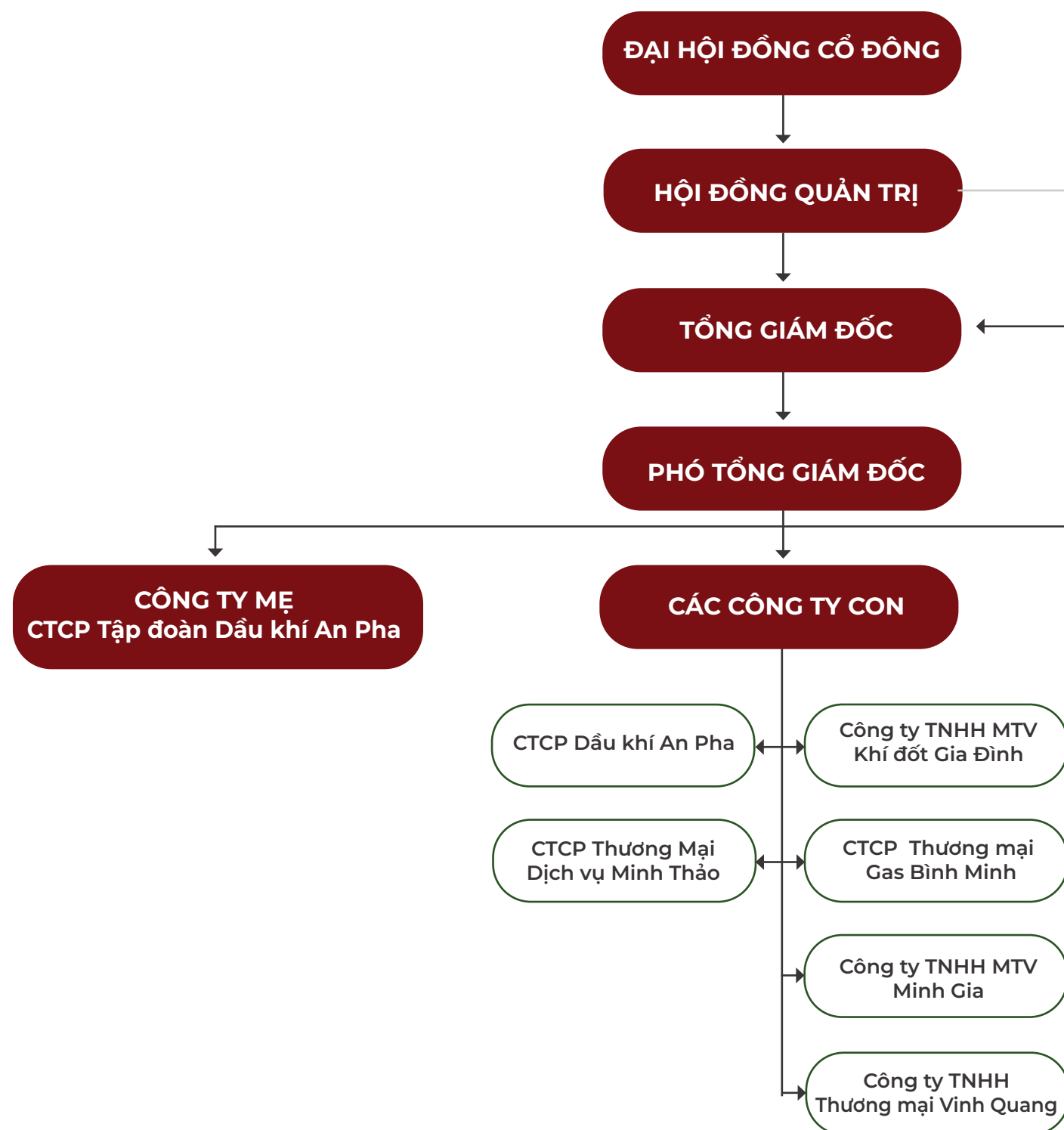
- 4 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- 5 Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- 6 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- 7 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG, tư vấn chuyển giao công nghệ khác.



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



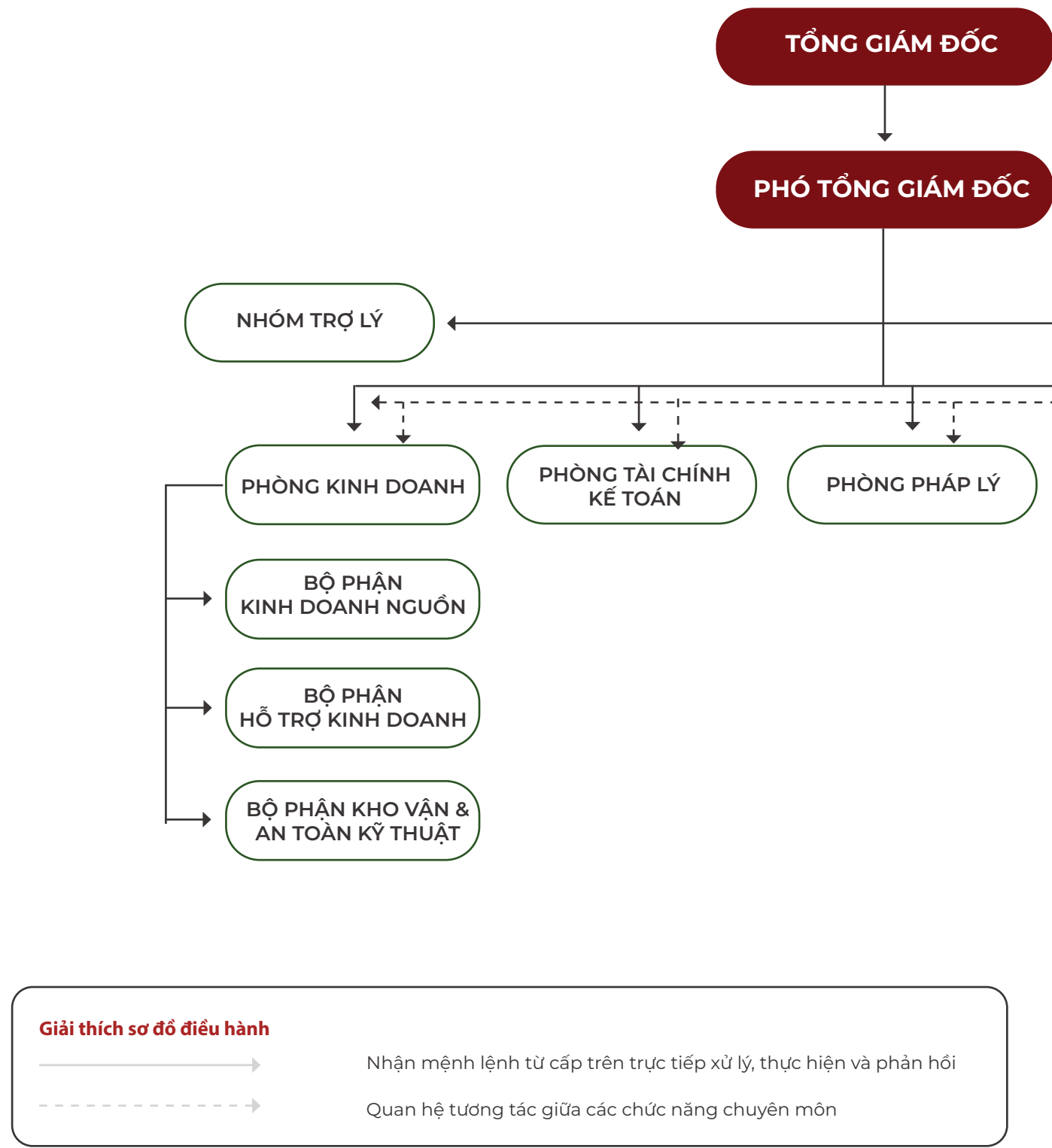
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo mô hình quản trị được quy định theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ với các cấp như sau:

- |                             |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Đại hội đồng cổ đông</b> | ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty Cổ phần, quyết định các công việc liên quan đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. ĐHĐCĐ hoạt động và đưa ra các quyết định theo chế độ tập thể. |
| <b>Hội đồng quản trị</b>    | HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.                                                                      |
| <b>Ủy ban kiểm toán</b>     | Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.                                                                             |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>    | Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.                                                                             |

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

SƠ ĐỒ ĐIỀU HÀNH



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

THÔNG TIN CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT | Tên Công ty | VĐL<br>(Triệu đồng) | Tỷ lệ sở<br>hữu | Địa chỉ công ty | Hoạt động<br>kinh doanh chính |
|-----|-------------|---------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------|
|-----|-------------|---------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------|

Danh sách công ty con trực tiếp

|   |                                              |         |         |                                                                                                    |                                   |
|---|----------------------------------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha               | 141.318 | 98,56%  | Lô CN03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội                               | Mua bán khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) |
| 2 | Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình            | 417.000 | 100,00% | Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh                                |                                   |
| 3 | Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch vụ Minh Thảo | 20.000  | 97,99%  | Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh |                                   |
| 4 | Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang           | 2.800   | 51,00%  | Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội                                       |                                   |

Danh sách công ty con gián tiếp

|   |                                          |         |         |                                                                                                    |                                   |
|---|------------------------------------------|---------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 5 | Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh | 195.712 | 99,99%  | Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) |
| 6 | Công ty TNHH MTV Minh Gia                | 3.000   | 100,00% | Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh |                                   |

| STT | Tên Công ty | VĐL<br>(Triệu đồng) | Tỷ lệ sở<br>hữu | Địa chỉ công ty | Hoạt động<br>kinh doanh chính |
|-----|-------------|---------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------|
|-----|-------------|---------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------|

Danh sách công ty liên kết

|    |                                                             |         |        |                                                                                                |                                   |
|----|-------------------------------------------------------------|---------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 7  | Công ty TNHH bình khí đốt Hong Vina                         | 24.515  | 35%    | 22 Đường 25A, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh                                           | Sản xuất bình Gas                 |
| 8  | Công ty Cổ phần MT Gas                                      | 104.500 | 40,73% | 5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh                                           | Mua bán khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) |
| 9  | Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | 6.000   | 49,00% | Ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An                                               |                                   |
| 10 | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | 30.000  | 35,00% | Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh           |                                   |
| 11 | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | 4.868   | 49,00% | Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An                                          |                                   |
| 12 | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | 30.000  | 33,00% | Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội |                                   |
| 13 | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 10.000  | 49,00% | Số 01, KP 27, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai                                    |                                   |
| 14 | Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                               | 80.000  | 20,00% | 39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh                                |                                   |
| 15 | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 3.000   | 49,00% | Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Hà Nội                                 |                                   |

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Khách hàng là trọng tâm và củng cố vị thế dẫn đầu ngành LPG, khẳng định và duy trì vị thế đơn vị bán lẻ LPG hàng đầu tại Việt Nam với mục tiêu cụ thể:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng ổn định từ 5% – 10% mỗi năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2030.
- Đa dạng kênh phân phối: bán buôn, bán lẻ, horeca và cung ứng trực tiếp cho khách hàng công nghiệp.

Phát triển kênh khách hàng công nghiệp đối với sản phẩm LNG/CNG bao gồm cung cấp sản phẩm cho các nhà máy trong khu công nghiệp, hoặc/và xây dựng các trạm cấp khí trung tâm cho toàn bộ các nhà máy trong khu công nghiệp.

Hoàn thiện khung quản trị ESG và quản trị doanh nghiệp theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty Việt Nam 2026 do Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ, AI trong hoạt động quản trị, điều hành của Công ty: Tập trung hoàn thiện phần mềm ERP trong vận hành doanh nghiệp

Nâng cấp, phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và nguồn lực.

## CHIẾN LƯỢC NGẮN HẠN



Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh và đội ngũ giao nhận.



Rà soát, phát triển và mở rộng hệ thống cửa hàng trên toàn quốc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.



Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nạp/cấp/nén khí LNG/CNG, đồng thời tìm kiếm đối tác.



Tập trung đẩy mạnh doanh thu, sản lượng các phân khúc có biên lợi nhuận cao như khách hàng hộ dân, Horeca và các dịch vụ kỹ thuật đi kèm.



Duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn cháy nổ và chất lượng sản phẩm để giảm thiểu rủi ro pháp lý và chi phí xử lý sự cố, bảo vệ uy tín thương hiệu Anpha Petrol trên thị trường.



Thiết lập cơ chế kiểm soát dòng tiền và quản trị vốn tập trung đối với hệ thống công ty con và công ty liên kết; đảm bảo nguồn lực tài chính được điều phối tối ưu, giảm thiểu rủi ro chéo trong tập đoàn.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tt)

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Anpha Petrol không chỉ dừng lại ở việc tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh mà còn cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ môi trường. Chúng tôi coi phát triển bền vững là kim chỉ nam để xây dựng các giá trị dài hạn cho cộng đồng và hệ sinh thái năng lượng xanh

#### Đối với môi trường

Công ty định hướng giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng năng lượng, kiểm soát phát thải trong toàn bộ chuỗi hoạt động và từng bước nghiên cứu, áp dụng các giải pháp công nghệ thân thiện với môi trường. Đồng thời, Anpha Petrol chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống, hướng tới vận hành an toàn, tiết kiệm tài nguyên và phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng sạch.

#### Đối với người lao động

Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn, công bằng và chuyên nghiệp, nơi người lao động được đảm bảo đầy đủ quyền lợi và có cơ hội phát triển bền vững. Anpha Petrol chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, phát triển năng lực và áp dụng hệ thống quản trị minh bạch, tạo động lực để đội ngũ nhân sự gắn bó lâu dài và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển chung.

#### Đối với cộng đồng

Công ty hướng tới thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động an sinh, hỗ trợ cộng đồng và lan tỏa các giá trị nhân văn. Các chương trình thiện nguyện, hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần chia sẻ trách nhiệm với xã hội và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp phát triển gắn liền với lợi ích cộng đồng.





## CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2025, môi trường kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều thách thức khi tăng trưởng có dấu hiệu chững lại rõ rệt. Theo dự báo của OECD và các tổ chức quốc tế, GDP toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,3 – 2,9%, phản ánh tác động kéo dài từ các rào cản thuế quan, đặc biệt là các chính sách thương mại của Mỹ, cùng với sự bất định trong điều hành kinh tế tại các quốc gia lớn. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị như Nga – Ukraine và khu vực Trung Đông tiếp tục gây gián đoạn chuỗi cung ứng và dòng chảy thương mại quốc tế, trong khi xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và chiến lược “friend-shoring” khiến thương mại toàn cầu tăng trưởng thấp hơn so với giai đoạn trước đại dịch.

Trái với nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp, tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, hàng loạt các thể chế, chính sách được triển khai như Nghị quyết số 57/NQ-CP về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với đổi mới sáng tạo, và Nghị quyết số 68/NQ-TW về phát huy vai trò nòng cốt của khu vực kinh tế tư nhân giúp với GDP đạt 8,02% trong năm 2025. Sức mua thị trường ghi nhận sự cải thiện, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 7.009 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước (tăng 6,7% nếu loại trừ yếu tố giá). Các ngành dịch vụ và du lịch tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng, trong khi hoạt động bán lẻ hàng hóa duy trì mức tăng ổn định, tập trung ở các nhóm thiết yếu.

Biến động của môi trường kinh tế vĩ mô có thể tác động trực tiếp đến chi phí đầu vào cũng như nhu cầu tiêu thụ LPG trên thị trường nội địa, đặc biệt đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp và các lĩnh vực dịch vụ như nhà hàng, khách sạn. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh mà còn tạo ra thách thức trong việc triển khai và phát triển sản phẩm LNG/CNG của Anpha Petrol. Nhằm kiểm soát và hạn chế các tác động bất lợi, Ban Điều hành chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế vĩ mô, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh theo từng giai đoạn, đồng thời thúc đẩy đa dạng hóa nguồn doanh thu để giảm sự phụ thuộc và nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động của nền kinh tế.

### RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động kinh doanh của Anpha Petrol phụ thuộc lớn vào nguồn LPG nhập khẩu, do đó Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể từ rủi ro tỷ giá. Trong năm 2025, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 3,4% so với đầu năm, có thời điểm tỷ giá trung tâm vượt mốc 25.000 VND/USD. Tại các ngân hàng thương mại, tỷ giá thường xuyên neo sát trần biên độ cho phép, trong khi trên thị trường tự do, tỷ giá có thời điểm tăng lên gần 28.000 VND/USD vào giữa và cuối năm.

Diễn biến này làm gia tăng chi phí nhập khẩu LPG do phần lớn giao dịch được thực hiện bằng USD, từ đó tạo áp lực trực tiếp lên giá vốn hàng bán và biên lợi nhuận của Công ty. Đồng thời, biến động tỷ giá cũng khiến việc lập kế hoạch tài chính và định giá bán trở nên kém ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, sự chênh lệch về thời điểm thanh toán giữa các hợp đồng nhập khẩu và thu tiền từ khách hàng trong nước có thể làm phát sinh lỗ tỷ giá, đặc biệt trong giai đoạn tỷ giá biến động mạnh.

Để kiểm soát rủi ro, Ban Điều hành chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối, cân đối dòng tiền ngoại tệ hợp lý và linh hoạt điều chỉnh chính sách giá bán theo biến động chi phí đầu vào. Đồng thời, Công ty xem xét áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá khi cần thiết nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

### RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động kinh doanh của Anpha Petrol chịu tác động trực tiếp từ biến động giá LPG do chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí. Giá LPG trên thị trường quốc tế thường xuyên biến động do chịu ảnh hưởng của cung – cầu năng lượng toàn cầu, tình hình địa chính trị và biến động giá dầu.

Trong năm 2025, giá LPG có xu hướng giảm dần về cuối năm, với giá CP giảm từ khoảng 620 USD/tấn vào đầu năm xuống còn khoảng 467,5 – 490 USD/tấn vào cuối năm. Mặc dù xu hướng giảm này góp phần hỗ trợ giảm chi phí đầu vào, tuy nhiên biến động giá trong kỳ vẫn tạo ra những thách thức nhất định trong công tác quản trị hàng tồn kho và định giá bán. Cụ thể, trong trường hợp giá giảm nhanh, Công ty có thể phải đối mặt với rủi ro giảm giá hàng tồn kho hoặc thu hẹp biên lợi nhuận nếu không kịp thời điều chỉnh giá bán tương ứng.

Ngoài ra, các rủi ro liên quan đến gián đoạn nguồn cung hoặc thay đổi chính sách từ các nhà cung cấp quốc tế cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng đảm bảo nguồn hàng ổn định, từ đó tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro, Ban Điều hành chủ động theo dõi sát diễn biến giá LPG thế giới, linh hoạt điều chỉnh chính sách tồn kho và giá bán theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường tối ưu hóa hoạt động mua hàng và quản lý tồn kho, đồng thời đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động giá nguyên vật liệu.

## CÁC RỦI RO (tt)

### RỦI RO LÃI SUẤT

Hoạt động kinh doanh của Anpha Petrol chịu ảnh hưởng từ rủi ro lãi suất do Công ty hiện đang duy trì nhiều khoản vay có giá trị lớn tại các ngân hàng trong nước và quốc tế. Trong năm 2025, theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mặt bằng lãi suất cho vay cơ bản duy trì tương đối ổn định, với lãi suất bình quân đối với các khoản vay phát sinh mới ở mức khoảng 6,96%/năm. Tuy nhiên, bối cảnh thị trường tiền tệ ghi nhận sự tăng trưởng mạnh của tín dụng, với dư nợ toàn hệ thống đạt khoảng 18,4 triệu tỷ đồng (tăng gần 18% so với đầu năm), đã tạo áp lực đáng kể lên thanh khoản hệ thống ngân hàng. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn huy động vốn gần 4 điểm phần trăm khiến tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) trên thị trường 1 tăng lên khoảng 110%, buộc các ngân hàng phải nâng lãi suất huy động để duy trì nguồn vốn. Diễn biến này tiềm ẩn nguy cơ kéo theo xu hướng tăng của lãi suất cho vay trong tương lai, đặc biệt đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Đối với Anpha Petrol, việc lãi suất gia tăng có thể làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và dòng tiền của Công ty. Đồng thời, biến động lãi suất cũng làm gia tăng mức độ bất định trong công tác lập kế hoạch tài chính và quản trị vốn.

Để hạn chế rủi ro, Ban Điều hành chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường tiền tệ, xây dựng cơ cấu vay hợp lý giữa lãi suất cố định và thả nổi, đồng thời tối ưu hóa dòng tiền và kế hoạch sử dụng vốn. Bên cạnh đó, Công ty cân nhắc các giải pháp tái cấu trúc nợ và kiểm soát chi phí tài chính nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động lãi suất.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động kinh doanh của Anpha Petrol chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật liên quan đến kinh doanh khí, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Do đó, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh từ sự thay đổi hoặc siết chặt các quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

Trong bối cảnh khung pháp lý ngành LPG ngày càng hoàn thiện, các yêu cầu về điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn vận hành có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Để hạn chế rủi ro, Anpha Petrol chủ động cập nhật và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và rà soát pháp lý trong toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và đơn vị tư vấn nhằm kịp thời nhận diện, phòng ngừa và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh, đảm bảo hoạt động ổn định và bền vững.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Hoạt động kinh doanh của Anpha Petrol đối mặt với rủi ro cạnh tranh ngày càng gia tăng trong bối cảnh thị trường LPG có dấu hiệu chững lại. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh về giá bán, chính sách chiết khấu và chất lượng dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong ngành ngày càng gay gắt, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ cũng như biên lợi nhuận của Công ty.

Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi từ sử dụng bếp gas sang bếp điện trong khu vực dân dụng cũng phần nào làm suy giảm nhu cầu LPG trong dài hạn. Đồng thời, thị trường LPG vẫn tồn tại các hành vi kinh doanh không lành mạnh như sang chiết trái phép, buôn bán gas giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của các doanh nghiệp hoạt động chính thức và tiềm ẩn nguy cơ mất thị phần.

Trong năm qua, Anpha Petrol phối hợp với các cơ quan chức năng đã ghi nhận nhiều trường hợp xâm phạm quyền sở hữu đối với các nhãn hiệu của Công ty, trong đó hai nhãn hiệu “Gia Đình Gas” và “Gas Bình Minh” bị xâm phạm nghiêm trọng. Cụ thể, đối với nhãn hiệu “Gia Đình Gas”, tình trạng thu gom, mua bán, chiếm giữ trái phép vỏ bình LPG diễn ra phổ biến trên thị trường, tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện chiết nạp gas giả, đồng thời làm giả niêm màng co và tem chống giả để đưa sản phẩm giả mạo đến tay người tiêu dùng. Đối với nhãn hiệu “Gas Bình Minh”, nhiều cá nhân và tổ chức đã sử dụng trái phép thương hiệu này thông qua việc in trên nhãn dán bình gas, đưa vào các tài liệu quảng cáo, website kinh doanh, cũng như đăng ký các tên miền tương tự nhằm gây nhầm lẫn với thương hiệu chính thức của Công ty.

Các hành vi vi phạm ngày càng trở nên tinh vi và phức tạp, không chỉ gây tổn hại đến uy tín doanh nghiệp mà còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn như rò rỉ khí, cháy nổ, đe dọa trực tiếp đến tài sản và tính mạng của người tiêu dùng.

Trước những thách thức này, Anpha Petrol đã chủ động triển khai các biện pháp nhằm bảo vệ thương hiệu và quyền lợi người tiêu dùng. Trong năm, Công ty đã thực hiện giám định tại Viện Khoa học Sở hữu Trí tuệ và tiến hành khởi kiện một số đối tượng có hành vi vi phạm tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và củng cố hệ thống phân phối nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và duy trì vị thế trên thị trường.

### RỦI RO VẬN HÀNH

Hoạt động kinh doanh LPG của Anpha Petrol tiềm ẩn rủi ro vận hành và an toàn do đặc tính dễ cháy nổ của sản phẩm khi tiếp xúc với nguồn nhiệt hoặc tia lửa. Vì vậy, các khâu lưu trữ, chiết nạp, vận chuyển và phân phối LPG luôn đòi hỏi mức độ kiểm soát nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng và cộng đồng.

Nhận thức rõ các rủi ro này, Công ty đặc biệt chú trọng đầu tư và duy trì hệ thống quản lý an toàn theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đồng thời thường xuyên rà soát và hoàn thiện quy trình vận hành tại các khâu trọng yếu. Công tác kiểm định, bảo dưỡng vỏ bình gas được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn trong quá trình sử dụng. Bên cạnh đó, Anpha Petrol tăng cường đào tạo nhân sự, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ các quy định về an toàn lao động.



# 02

## Tình hình hoạt động



- 30 Tình hình hoạt động trong năm
- 31 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 48 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT                                    | Chỉ tiêu                                        | Năm 2024 | Năm 2025 | TH 2025/<br>TH 2024 (%) | % Thay đổi |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------|----------|----------|-------------------------|------------|
| 1                                      | Doanh thu bán LPG                               | 3.270    | 3.269,8  | 99,99%                  | -0,01%     |
| 2                                      | Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas              | 9,87     | 9,75     | 98,78%                  | -1,23%     |
| 3                                      | Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác | 54,70    | 37,1     | 67,82%                  | -47,44%    |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |                                                 | 3.335    | 3.317    | 99,46%                  | -0,54%     |

Trong năm 2025, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty đạt 3.317 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,54% so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm này là do giá nguyên liệu đầu vào giảm, kéo theo sự điều chỉnh giảm giá bán để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường. Cụ thể, mảng kinh doanh cốt lõi là doanh thu bán LPG đạt 3.269,8 tỷ đồng, gần như đi ngang so với năm trước (giảm nhẹ 0,01%). Trong khi đó, doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas giảm 1,23% và mảng bán hàng hóa, dịch vụ khác sụt giảm mạnh nhất với mức biến động -47,44% (chỉ đạt 37,1 tỷ đồng). Nhìn chung, mặc dù tổng doanh thu có sự sụt giảm nhẹ do tác động từ xu hướng giảm giá đầu vào, nhưng công ty vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh trọng yếu và bảo toàn được thị phần LPG.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên              | Chức vụ                                                  | Ngày bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Ông Tomohiko Kawamoto   | Chủ tịch HĐQT                                            | 03/07/2024    |
| 2   | Ông Kobayashi Naoki     | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc                       | 28/06/2024    |
| 3   | Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc                   | 28/06/2024    |
| 4   | Ông Kentaro Jimba       | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán   | 29/08/2024    |
| 5   | Ông Nitta Kazufuku      | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán | 28/06/2024    |

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

| STT | Thành viên         | Chức vụ                     | Ngày bổ nhiệm |
|-----|--------------------|-----------------------------|---------------|
| 1   | Ông Kentaro Jimba  | Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán   | 29/08/2024    |
| 2   | Ông Nitta Kazufuku | Thành viên Ủy Ban Kiểm toán | 28/06/2024    |

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (tính đến ngày 31/12/2025)

| STT | Thành viên              | Chức vụ                                | Ngày bổ nhiệm |
|-----|-------------------------|----------------------------------------|---------------|
| 1   | Ông Kobayashi Naoki     | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     | 13/05/2024    |
| 2   | Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 20/05/2024    |
| 3   | Ông Trần Duy Luân       | Phó Tổng Giám đốc                      | 26/06/2025    |
| 4   | Ông Lại Văn Tú          | Kế toán trưởng                         | 20/04/2019    |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

| STT | Thành viên        | Chức vụ           | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban điều hành |                 |
|-----|-------------------|-------------------|----------------------------------------------------|-----------------|
|     |                   |                   | Ngày bổ nhiệm                                      | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Trần Duy Luân | Phó Tổng Giám đốc | 26/06/2025                                         | -               |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TOMOHIKO KAWAMOTO

Năm sinh1973

Quốc tịchNhật Bản

Trình độ chuyên mônCử nhân Luật

Số cổ phiếu sở hữu cá nhânKhông có

Đại diện phần vốnKhông có

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

» Tổng Giám đốc Công ty Saissan Co., Ltd

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04/1996 - 08/1998 | Phòng thương vụ ngoài nước – Rinnai Hong Kong Co.,Ltd                                            |
| 09/1998 - 07/2002 | Bộ phận tín dụng – Công ty Rinnai Hong Kong Co.,Ltd                                              |
| 03/2002 - 08/2002 | Phòng Maketing – Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản                                               |
| 09/2002 - 02/2003 | Văn phòng Ageo - Chi nhánh kinh doanh LPG tại Saitama - Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản        |
| 03/2003 - 04/2004 | Phòng bán hàng khí Gas Công nghiệp và bán khí Gas phục vụ lĩnh vực y tế                          |
| 05/2004 - 08/2005 | Trưởng bộ phận bán lẻ LPG thuộc Chi nhánh Saitama - Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản            |
| 09/2005 - 10/2006 | Trợ lý trưởng phòng Maketing, Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản                                  |
| 11/2006 - 08/2008 | Phó trưởng phòng Maketing, Giám đốc quản lý điều hành cấp cao- Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản |
| 09/2008 - 10/2009 | Trưởng phòng Maketing, Giám đốc điều hành - Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản                    |
| 11/2009 - 10/2012 | Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản                                            |
| 11/2012 - Đến nay | Phó chủ tịch, kiêm Giám đốc điều hành, Công ty Cổ phần Saisan – Nhật Bản                         |
| 04/2014 - Đến nay | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha                                          |

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM CHỦ TỊCH UBKT

ÔNG KENTARO JIMBA

Năm sinh1973

Quốc tịchNhật Bản

Trình độ chuyên mônCử nhân luật

Số cổ phiếu sở hữu cá nhânKhông có

Đại diện phần vốnKhông có

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                                              |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1996 - 07/2006 | Kế toán viên công chứng tại Ernst & Young ShinNihon, chi nhánh Tokyo, Nhật Bản               |
| 06/2006 - 09/2007 | Quản lý Kiểm toán tại Ernst & Young ShinNihon, chi nhánh Tokyo, Nhật Bản                     |
| 10/2007 - 3/2013  | Kế toán viên công chứng tại Công ty kiểm toán Souken Godo, chi nhánh Tokyo, Nhật Bản         |
| 04/2013 – 08/2015 | Quản lý Bộ phận Kế toán & Kiểm soát của Công ty Thành viên, tại trụ sở chính của CTCP Saisan |
| 09/2015 - 11/2018 | Giám đốc CTCP AnPha Petrol chi nhánh Hà Nội                                                  |
| 11/2018 - Đến nay | Giám đốc Tài chính & Kế toán tại trụ sở chính của CTCP Saisan, Nhật Bản                      |
| 08/2024 - Đến nay | Thành viên HĐQT độc lập kiêm chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha           |

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM THÀNH VIÊN UBKT

ÔNG NITTA KAZUFUKU

Năm sinh1947

Quốc tịchNhật Bản

Trình độ chuyên mônCử nhân Hóa học Công nghiệp

Số cổ phiếu sở hữu cá nhânKhông có

Đại diện phần vốnKhông có

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                                      |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1984 - Đến nay | Giám đốc điều hành tại công ty TNHH Metran                                           |
| 2024 - Đến nay    | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên UBKT Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dầu Khí An Pha |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG KOBAYASHI NAOKI

Năm sinh 1982  
Quốc tịch Nhật Bản  
Trình độ chuyên môn Cử nhân  
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân Không có  
Đại diện phần vốn Không có  
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

- » Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Dầu khí An Pha
- » Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Thương Mại Gas Bình Minh

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------|
| 2013 – 2014       | Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Saisan         |
| 12/2014 - 04/2015 | Chuyên gia CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha          |
| 04/2015 - 11/2023 | Giám đốc kinh doanh CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha |
| 11/2023 đến nay   | Giám đốc CTCP dầu khí An Pha                     |
| 05/2024 đến nay   | Tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha       |
| 6/2024 - Đến nay  | Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha     |



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG SAKAMOTO SHINICHIRO

Năm sinh 1979  
Quốc tịch Nhật Bản  
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ  
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân Không có  
Đại diện phần vốn Không có  
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT CTCP Dầu khí An Pha
- » Giám đốc Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình
- » Thành viên HĐQT CTCP Thương Mại Gas Bình Minh

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                                    |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 03/2006 - 06/2013 | Phòng Tài chính kế toán công ty Saisan Co., Ltd                    |
| 06/2013 - 09/2015 | Phòng kinh doanh LPG chi nhánh Saitama của công ty Saisan Co., Ltd |
| 09/2015 - 06/2019 | Phòng Hành chính Saisan Marketing Co., Ltd.                        |
| 06/2019 - 10/2023 | Phòng Đầu tư nước ngoài Saisan Co., Ltd.                           |
| 10/2023 - Đến nay | Trưởng phòng kiểm toán nội bộ CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha         |
| 5/2024 - Đến nay  | Phó Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha                     |
| 6/2024 - Đến nay  | Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha                       |



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG TRẦN DUY LUÂN

Năm sinh 1990  
Quốc tịch Việt Nam  
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Chính sách công  
Chứng nhận thành viên HĐQT của VIOD  
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân 1.000.000 cổ phần chiếm 2,68% số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
Đại diện phần vốn Không có  
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT Công ty cổ phần khí hóa lỏng Hoàng Anh;
- » Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dầu khí Sài Gòn – Hà Nội;
- » Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Khôi Group.

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Đơn vị công tác                                              |
|-------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12/2021 – 5/2022  | Kế toán trưởng Công ty cổ phần MT Gas                        |
| 5/2022 – 10/2022  | Phó Ban TCKT Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha         |
| 10/2022 – 07/2023 | Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha   |
| 07/2023 – 06/2024 | Trợ lý Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha |
| 6/2025 - Đến nay  | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha    |



KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG LẠI VĂN TÚ

Năm sinh 1979  
Quốc tịch Việt Nam  
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế  
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân Không có  
Đại diện phần vốn Không có  
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác

- » Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Dịch vụ Minh Thảo
- » Thành viên HĐQT MT Gas

Quá trình công tác:

| Thời gian      | Đơn vị công tác                                                                        |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 2004 – 2008    | Nhân viên kế toán Công ty TNHH DV-TM Khí đốt Gia đình                                  |
| 2009 – 2012    | Kế toán trưởng Công ty TNHH DV – TM Khí đốt Gia đình                                   |
| 2013 – 2018    | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MT Gas |
| 2019 – Đến nay | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha                                 |
| 2025 – Đến nay | Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần MT Gas                                                 |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN: tính đến ngày 31/12/2025

| STT                               | Tính chất phân loại                        | Số lượng | Tỷ trọng |
|-----------------------------------|--------------------------------------------|----------|----------|
| A Theo trình độ lao động          |                                            |          |          |
| 1                                 | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 80       | 13%      |
| 2                                 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 131      | 22%      |
| 3                                 | Lao động phổ thông                         | 393      | 65%      |
| B Theo giới tính                  |                                            |          |          |
| 1                                 | Nam                                        | 423      | 70%      |
| 2                                 | Nữ                                         | 181      | 30%      |
| C Theo thời hạn hợp đồng lao động |                                            |          |          |
| 1                                 | Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm            | 8        | 1%       |
| 2                                 | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm           | 224      | 37%      |
| 3                                 | Hợp đồng không thời hạn                    | 372      | 62%      |
| Tổng cộng                         |                                            | 604      | 100%     |

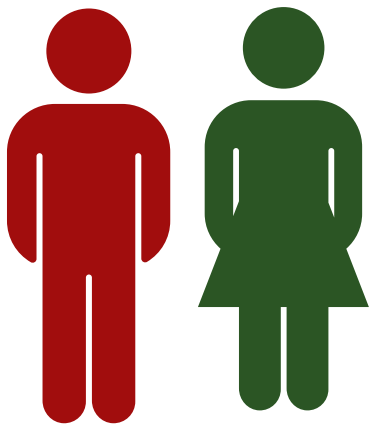
THU NHẬP BÌNH QUÂN

| Chỉ tiêu                              | 2021       | 2022       | 2023       | 2024       | 2025       |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 13.134.672 | 15.015.590 | 11.764.058 | 12.164.063 | 14.336.263 |

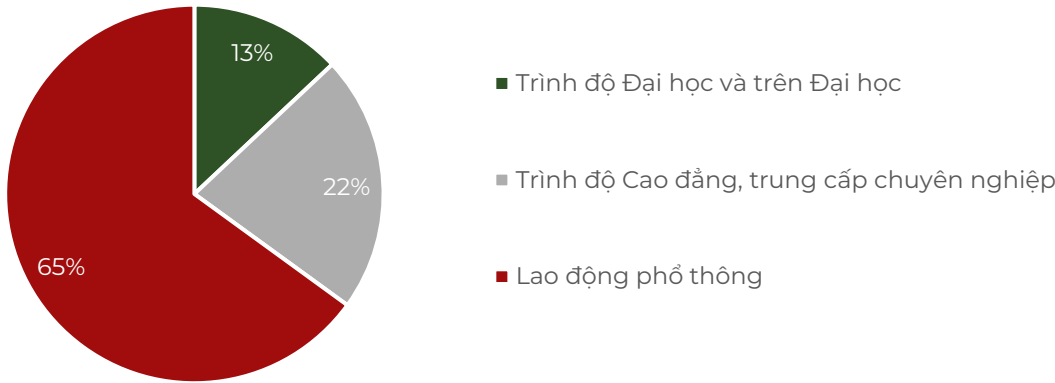
604 nhân sự

Thu nhập bình quân

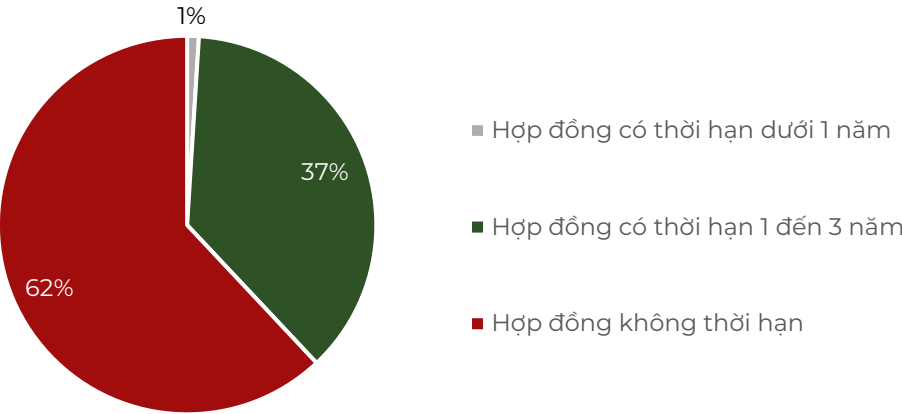
14.336.263 đồng/người/tháng



Phân loại theo trình độ lao động



Phân loại theo thời hạn hợp đồng lao động





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

### CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, quyết định đến sự phát triển bền vững trong dài hạn; do đó, đầu tư cho con người được xem là đầu tư cho tương lai.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo nội bộ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và hiệu quả thực thi công việc cho cán bộ, nhân viên. Đồng thời, Công ty tiếp tục tập trung triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, phù hợp với định hướng phát triển trong giai đoạn mới, bao gồm các nội dung về phát triển thị trường, chuyển dịch năng lượng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh tổ chức các khóa đào tạo về ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) trong công việc, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và năng suất lao động. Các chương trình đào tạo theo yêu cầu pháp luật, cũng như các khóa đào tạo liên quan đến hệ thống An toàn - Chất lượng - Môi trường, được triển khai đầy đủ và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định hiện hành.

Song song đó, Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên phát triển nghề nghiệp, với lộ trình thăng tiến rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch và gắn với năng lực, hiệu quả công việc.

Bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, Công ty cũng khuyến khích người lao động chủ động nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khóa học bên ngoài, góp phần hoàn thiện kỹ năng và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

Về công tác tuyển dụng, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng tuyển dụng theo hướng bài bản, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển. Quy trình tuyển dụng được chuẩn hóa, gắn với yêu cầu cụ thể của từng vị trí, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong tìm kiếm và sàng lọc ứng viên nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty từng bước xây dựng thương hiệu tuyển dụng, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và có cơ hội phát triển, qua đó thu hút và giữ chân nhân sự chất lượng cao.

Đặc biệt, với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) - ngành nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy và an toàn lao động. Qua đó, nâng cao ý thức, kỹ năng ứng phó của người lao động, góp phần đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ liên quan đối với người lao động, bao gồm chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ ốm, thai sản và các quyền lợi hợp pháp khác. Chính sách lương, thưởng được xây dựng theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và gắn liền với hiệu quả công việc. Công ty thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả làm việc của cán bộ, nhân viên nhằm đảm bảo việc chi trả thu nhập tương xứng với năng lực và mức độ đóng góp, qua đó tạo động lực nâng cao hiệu suất làm việc.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng cho người lao động, tạo cơ hội thăng tiến trên cơ sở năng lực và thành tích. Các chính sách khen thưởng tập thể xuất sắc, khuyến khích sáng kiến cá nhân cũng được triển khai nhằm thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản lý.

Nhờ triển khai đồng bộ các chính sách về lương, thưởng và phúc lợi, Công ty đã xây dựng được môi trường làm việc ổn định, tạo sự gắn kết lâu dài với người lao động, góp phần giữ chân nhân sự có năng lực và duy trì sự ổn định về nguồn nhân lực trong những năm qua.

### MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công ty đặc biệt chú trọng công tác an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp, xem đây là một trong những yếu tố trọng yếu nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn, ổn định và bền vững cho người lao động, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, hạn chế tối đa các sự cố phát sinh.

Công tác quản lý an toàn được triển khai nghiêm ngặt tại tất cả các đơn vị, nhà máy và cơ sở sản xuất. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định, đồng thời được hướng dẫn, đào tạo định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa rủi ro trong quá trình làm việc.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, tích cực và phù hợp với đặc thù của từng vị trí công việc, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực, nâng cao hiệu quả làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

Công ty triển khai đồng bộ các giá trị văn hóa doanh nghiệp trong toàn hệ thống, hướng tới xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, đề cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác và đổi mới. Văn hóa doanh nghiệp được xem là nền tảng quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và phát triển bền vững.

Công ty duy trì và áp dụng nhất quán phương châm hoạt động “An toàn - Chất lượng - Môi trường - Năng lượng”, làm định hướng xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC CÔNG TY CON

1. Công ty TNHH MTV khí đốt Gia Đình

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                      | 2024            | 2025            | Tỉ lệ thay đổi (%) |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng tài sản                  | 524.016.128.358 | 509.640.551.904 | -3%                |
| Nợ phải trả                   | 175.233.897.126 | 147.330.843.663 | -16%               |
| Vốn chủ sở hữu                | 417.000.000.000 | 417.000.000.000 | 0%                 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 2.961.491       | 11.090.568      | 274%               |

2. Công ty cổ phần dầu khí An Pha

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                      | 2024            | 2025            | Tỉ lệ thay đổi (%) |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng tài sản                  | 484.383.574.057 | 510.376.196.898 | 5,37%              |
| Nợ phải trả                   | 341.272.793.726 | 363.795.399.291 | 6,60%              |
| Vốn chủ sở hữu                | 143.110.780.331 | 146.553.704.046 | 2,41%              |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 4.236.343.172   | 2.849.159.263   | -32,74%            |

3. Công ty cổ phần thương mại gas Bình Minh

Đvt: Đồng

| Chỉ tiêu                      | 2024            | 2025            | Tỉ lệ thay đổi (%) |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|--------------------|
| Tổng tài sản                  | 289.003.253.963 | 256.040.090.073 | -11%               |
| Nợ phải trả                   | 309.087.908.180 | 295.836.436.531 | -4%                |
| Vốn chủ sở hữu                | -20.084.654.217 | -39.796.346.458 | -                  |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 2.022.780       | 7.549.566       | 273%               |



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2024  | Năm 2025  | % Thay đổi |
|-----|-----------------------------------|-----------|-----------|------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 1.560.335 | 1.327.199 | -14,94%    |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 3.306.737 | 3.239.083 | -2,05%     |
| 3   | Giá vốn hàng bán                  | 2.986.483 | 2.884.414 | -3,42%     |
| 4   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (5.966)   | 8.303     | -          |
| 5   | Lợi nhuận khác                    | 7.295     | 16.010    | 119,47%    |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế              | 1.329     | 24.313    | 1729,42%   |
| 7   | Lợi nhuận sau thuế                | 5.339     | 14.197    | 161,38%    |

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

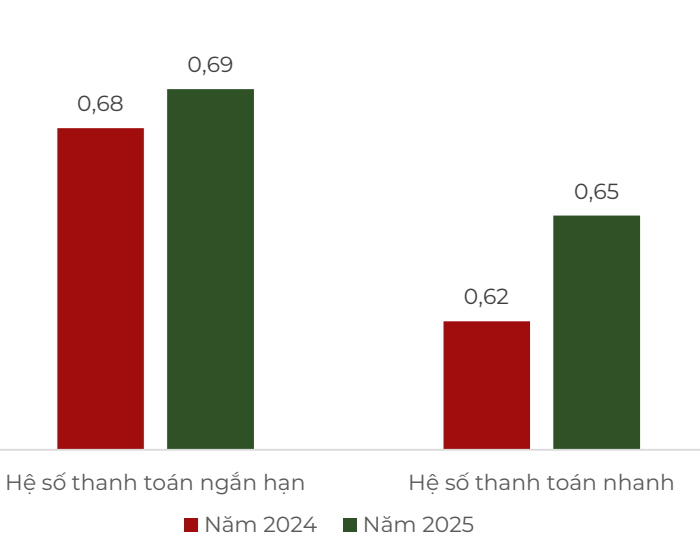
| Chỉ tiêu                                                                 | ĐVT  | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--------------------------------------------------------------------------|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                   |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)             | Lần  | 0,68     | 0,69     |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần  | 0,62     | 0,65     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                            |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                    | %    | 80,3%    | 75,15%   |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                  | %    | 408,1%   | 302,42%  |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                    |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)      | Vòng | 35,38    | 54,04    |
| Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)       | Vòng | 1,75     | 2,24     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                     |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                 | %    | 0,16%    | 0,44%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                        | %    | 1,70%    | 4,46%    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                          | %    | 0,28%    | 0,98%    |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/<br>Doanh thu thuần     | %    | (0,18%)  | 0,26%    |



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

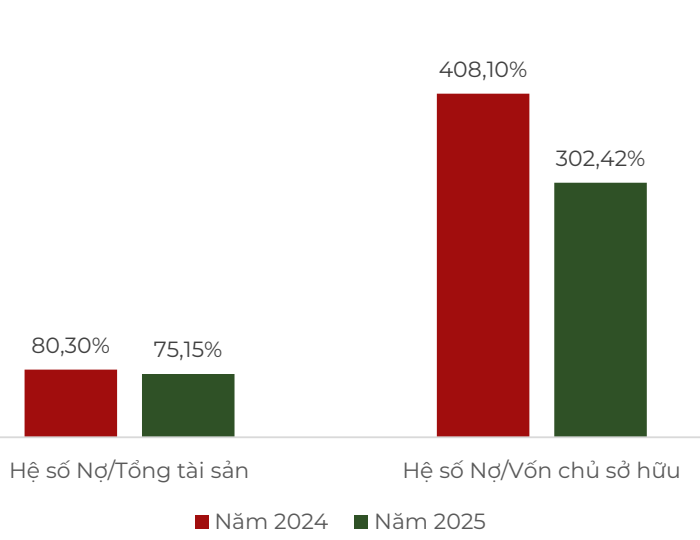
### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Anpha Petrol trong năm 2025 ghi nhận sự cải thiện tích cực so với năm 2024. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,68 lên 0,69 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,62 lên 0,65.

Kết quả này đạt được nhờ sự quyết liệt trong công tác vận hành, đặc biệt là việc xử lý dứt điểm các tồn đọng trong hệ thống và linh hoạt điều chỉnh chính sách bán hàng trước những diễn biến phức tạp của địa chính trị thế giới. Với chiến lược chủ động giảm đòn bẩy tài chính, giá trị nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã giảm đáng kể từ 1.198 tỷ đồng xuống còn 920 tỷ đồng (giảm 23,25% so với cùng kỳ), trong khi tổng tài sản ngắn hạn chỉ giảm 20,20%. Việc tối ưu hóa cấu trúc vốn và giảm áp lực nợ ngắn hạn không chỉ giúp cải thiện các chỉ số thanh khoản mà còn tạo ra dư địa tài chính an toàn cho các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tới.

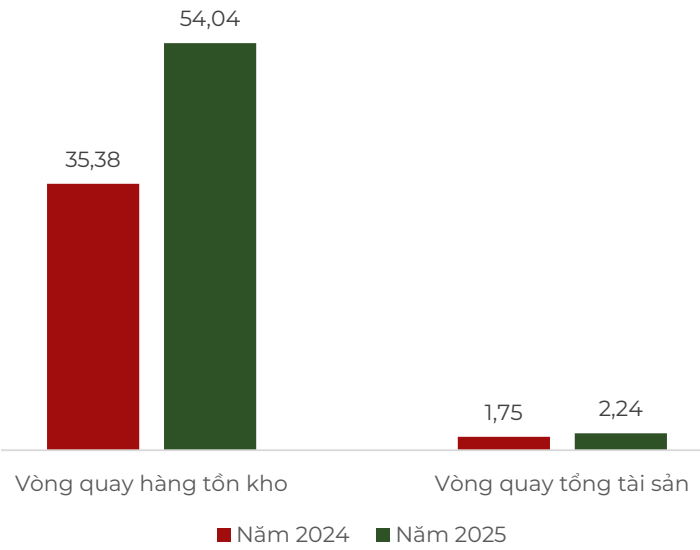
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Việc cân bằng cơ cấu vốn là yếu tố được cân nhắc song song với kế hoạch kinh doanh và định vị sản phẩm dịch vụ của Anpha Petrol trong chiến lược phát triển dài hạn. Theo đó, các chỉ báo về hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm, lần lượt đạt 75,15% và 302,42% năm 2025.

Điều này cho thấy, Tập đoàn đang dần hạn chế đòn bẩy tài chính hướng đến mục tiêu cân bằng nguồn vốn, chủ động tiềm lực tài chính cho việc đầu tư phát triển hạ tầng và tăng độ phủ cho các thương hiệu chủ lực của Anpha Petrol. Mặt khác, việc kết chuyển lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán tài sản cho công ty liên kết góp phần vào tăng trưởng lợi nhuận năm 2025, giúp An pha Petrol cải thiện quy mô vốn chủ sở hữu, giảm lỗ lũy kế.

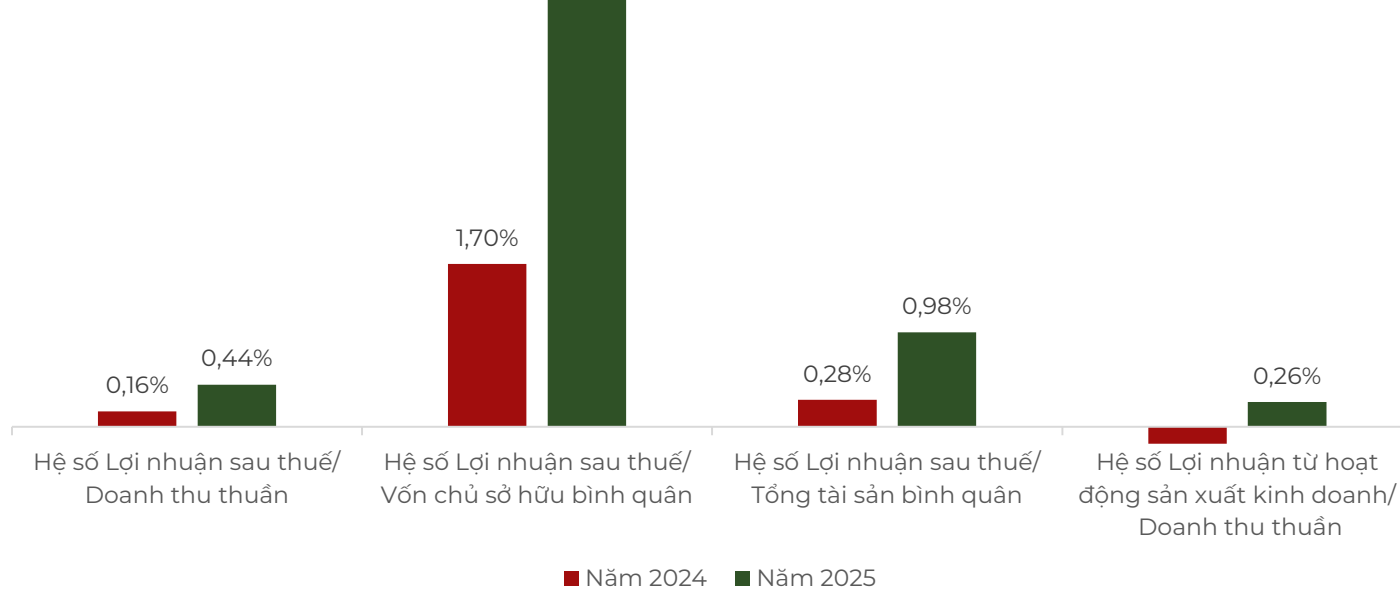
### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ, từ 35,38 vòng lên 54,04 vòng. Kết quả này cho thấy tốc độ luân chuyển hàng hóa đã được đẩy nhanh đáng kể, giúp tối ưu hóa vốn lưu động và giảm thiểu chi phí lưu kho. Để đạt được thành tựu này, bên cạnh các kênh tiếp thị truyền thống, đội ngũ kinh doanh của Anpha Petrol đã chủ động mở rộng nhận diện thương hiệu và tiếp thị sản phẩm thông qua các trang thông tin điện tử và nền tảng số.

Đồng thời, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 1,75 vòng lên 2,24 vòng, phản ánh hiệu quả hiệu suất khai thác tài sản. Những con số này là minh chứng cho tính đúng đắn của các biện pháp tối ưu hóa vận hành và nỗ lực tái cấu trúc tài sản mà Tập đoàn đã quyết liệt triển khai trong suốt năm qua.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2025 ghi nhận sự khởi sắc rõ nét trong các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, minh chứng cho sự phục hồi mạnh mẽ trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Anpha Petrol. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,16% lên 0,44%, phản ánh nỗ lực kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành và cải thiện biên lợi nhuận thực tế. Hiệu quả sử dụng nguồn lực cũng được nâng cao đáng kể khi tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng từ 1,70% lên 4,46% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản tăng từ 0,28% lên 0,98%.

Đặc biệt, điểm sáng đáng chú ý là tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần, khi chỉ số này đã chuyển biến tích cực từ mức âm 0,18% trong năm 2024 sang mức dương 0,26% trong năm 2025. Kết quả này khẳng định các mảng kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn đã vượt qua giai đoạn thách thức và tạo ra giá trị thặng dư bền vững cho cổ đông.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN



Số lượng cổ phiếu đã phát hành  
**37.339.929** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
**37.339.542** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ  
**387** cổ phiếu

Loại cổ phần  
**CỔ PHẦN PHỔ THÔNG**

Mệnh giá cổ phần  
**10.000** đồng/cổ phần

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại 26/05/2025

| Stt | Tên tổ chức                | Địa chỉ                                                          | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu/<br>Vốn điều lệ |
|-----|----------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|
| 1   | Saisan Joint Stock Company | Saitama-ken, Saitama-shi, Omiya-ku, sakuragi-cho, 1-11-5 – Japan | 17.998.426        | 48,2%                        |
| 2   | Ông Trần Minh Loan         | B1 – 17, Lô S14 & S20 Khu phố Mỹ Thái, Phường Tân Mỹ, TP.HCM     | 2.188.100         | 5,86%                        |

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại 26/05/2025

| Stt                      | Loại cổ đông       | Số cổ phần | Giá trị (Đồng)  | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--------------------------|--------------------|------------|-----------------|------------------|
| I                        | Cổ đông trong nước | 19.043.365 | 190.043.365.000 | 51,00%           |
| 1                        | Cổ đông nhà nước   | 0          | 0               | 0%               |
| 2                        | Cá nhân            | 18.897.165 | 188.971.650.000 | 50,61%           |
| 3                        | Tổ chức            | 146.200    | 1.462.000.000   | 0,39%            |
| III                      | Cổ đông nước ngoài | 18.296.564 | 182.965.640.000 | 49,00%           |
| 1                        | Cá nhân            | 71.818     | 718.180.000     | 0,19%            |
| 2                        | Tổ chức            | 18.224.746 | 182.256.460.000 | 48,81%           |
| III                      | Cổ phiếu quỹ       | 387        | 387.000         | 0,00%            |
| Tổng cộng (I + II + III) |                    | 37.339.929 | 373.399.290.000 | 100,00%          |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### Quá trình tăng vốn điều lệ

| Thời điểm | Vốn điều lệ tăng/giảm (đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng) | Hình thức tăng giảm vốn                                             |
|-----------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Năm 2008  | 126.000.000.000              | 126.000.000.000                      | Niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán                             |
| Năm 2009  | 83.999.960.000               | 209.999.960.000                      | Phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn |
|           | 18.300.000.000               | 228.299.960.000                      | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn cho cổ đông chiến lược         |
| Năm 2014  | 145.099.330.000              | 373.399.290.000                      | Phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn cho cổ đông chiến lược         |

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:** không có

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC:** không có

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Tác động đến môi trường



Anpha Petrol kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải để giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Về phát thải trực tiếp, LPG là nguồn nhiên liệu hóa thạch được đánh giá thân thiện với môi trường hơn so với xăng và dầu diesel, nhờ đặc tính cháy sạch, hiệu suất cao và mức phát thải thấp. Nhờ đó, trong quá trình sử dụng, LPG phát thải lượng CO<sub>2</sub> thấp hơn đáng kể, đồng thời hầu như không phát sinh các chất gây ô nhiễm không khí như bụi mịn PM2.5, SO<sub>2</sub> và NO<sub>x</sub>, qua đó góp phần cải thiện chất lượng không khí. Bên cạnh đó, Đặc tính bay hơi nhanh của LPG cũng giúp ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm đất và nguồn nước trong trường hợp xảy ra rò rỉ.

Về tác động gián tiếp, các nguồn thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận hành tại khối văn phòng, các trạm chiết nạp và hệ thống cửa hàng. Lượng phát thải này đến từ việc tiêu thụ điện năng cho hệ thống chiếu sáng, máy móc thiết bị và sử dụng nguồn nước trong sinh hoạt, vệ sinh công nghiệp.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong hoạt động kinh doanh LPG việc quản trị rủi ro liên quan đến rò rỉ, cháy nổ và phát thải trong quá trình tồn chứa, chiết nạp được đặt lên hàng đầu. Công ty thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý nghiêm ngặt, lựa chọn những nhà cung cấp uy tín có tiêu chuẩn bảo vệ môi trường cao để đảm bảo an toàn ngay từ nguồn nguyên liệu đầu vào.

Hệ thống kho trạm và thiết bị chiết nạp hiện đại của Công ty được đầu tư hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hệ thống cảm biến phát hiện rò rỉ LPG được lắp đặt tại các kho trạm và kết nối với trung tâm điều khiển, cho phép giám sát tự động và cảnh báo sớm. Công tác kiểm tra rò rỉ tại bồn chứa, hệ thống van và xe vận chuyển được thực hiện định kỳ và đột xuất, đảm bảo mọi sự cố đều được xử lý kịp thời theo quy trình ứng phó khẩn cấp. Các phương tiện vận chuyển chuyên dụng cũng luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy định bảo dưỡng và kiểm định an toàn trong suốt quá trình lưu thông.

Song song với giải pháp kỹ thuật, Anpha Petrol đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ nhân sự vận hành và lái xe. Nhân viên thường xuyên được huấn luyện nhận diện rủi ro và diễn tập kỹ năng xử lý tình huống khẩn cấp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguyên liệu và sẵn sàng cho lộ trình triển khai các dòng sản phẩm sạch hơn như LNG và CNG.



### Tiêu thụ năng lượng

Tại Anpha Petrol, các nguồn năng lượng chính bao gồm điện năng sử dụng cho thiết bị chiết nạp, hệ thống an toàn – giám sát và chiếu sáng, cùng với nhiên liệu phục vụ phương tiện vận chuyển LPG và hoạt động logistics. Công ty thực hiện theo dõi và kiểm soát chặt chẽ mức tiêu thụ năng lượng tại từng đơn vị vận hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, hạn chế thất thoát và giảm thiểu tác động đến môi trường. Thông qua việc đầu tư thiết bị tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao ý thức sử dụng năng lượng của người lao động, Anpha Petrol từng bước cải thiện hiệu suất năng lượng trong toàn hệ thống, tạo nền tảng cho mục tiêu sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển bền vững trong dài hạn.



### Tiêu thụ nước

Lượng nước tiêu thụ tại Anpha Petrol chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ nhân viên và vệ sinh công nghiệp tại các khu vực sản xuất. Trong năm qua, Công ty duy trì mức tiêu thụ ổn định và nỗ lực cắt giảm lãng phí thông qua việc kiểm tra định kỳ hệ thống đường ống để kịp thời khắc phục các điểm rò rỉ. Bên cạnh đó, các chiến dịch tuyên truyền tiết kiệm nước được triển khai rộng rãi đến từng nhân viên, giúp nâng cao ý thức sử dụng nguồn tài nguyên nước một cách trách nhiệm và hiệu quả nhất trong mọi hoạt động vận hành.

### Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Anpha Petrol cam kết tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí hóa lỏng. Chúng tôi coi việc chấp hành các quy định pháp lý không chỉ là nghĩa vụ bắt buộc mà còn là thước đo cho sự uy tín và phát triển bền vững của doanh nghiệp đối với các bên liên quan.

Trong quá trình vận hành tại các Nhà máy, Trạm chiết và hệ thống Kho bãi, Anpha Petrol định kỳ thực hiện công tác quan trắc môi trường và lập báo cáo tác động theo đúng quy định. Mọi hoạt động từ chiết nạp đến vận chuyển đều được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo không xảy ra các hành vi vi phạm về xả thải khí, nước thải hay xử lý chất thải công nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty luôn chủ động cập nhật các quy định mới nhất về bảo vệ môi trường để kịp thời điều chỉnh quy trình vận hành nội bộ, đảm bảo sự tương thích và sẵn sàng cho các đợt kiểm tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và đội ngũ kỹ thuật trong việc giám sát thực thi, trong năm qua, Anpha Petrol không ghi nhận bất kỳ sự cố môi trường hay vi phạm pháp luật về môi trường nào dẫn đến việc bị xử phạt. Kết quả này thể hiện rõ cam kết và nỗ lực của Công ty trong việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp năng lượng có trách nhiệm, đóng góp tích cực vào mục tiêu bảo vệ hệ sinh thái và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh của quốc gia.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

## Chính sách liên quan đến người lao động

Tại Công ty, nguồn nhân lực được xác định là yếu tố trung tâm trong mọi hoạt động và là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Việc đầu tư cho con người được triển khai thông qua các chính sách cụ thể, đồng bộ và có định hướng dài hạn.

### Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Hàng năm, Công ty dành nguồn lực phù hợp để triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo nhu cầu thực tế của từng phòng ban, đồng thời chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

### Quản lý hiệu suất và ghi nhận đóng góp:

Công ty xây dựng và áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) một cách minh bạch, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân và đơn vị. Thông qua đó, đảm bảo việc ghi nhận, khen thưởng tương xứng với mức độ đóng góp của người lao động, đồng thời tạo kênh phản hồi hai chiều nhằm hoàn thiện chính sách và phương pháp đánh giá.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các hoạt động vinh danh đối với người lao động có thời gian gắn bó lâu dài (từ 10 năm trở lên), góp phần ghi nhận sự cống hiến và tăng cường sự gắn kết nội bộ.



## Chính sách liên quan đến người lao động (tt)

### Chính sách phúc lợi và chăm sóc đời sống:

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ổn định và chế độ phúc lợi cạnh tranh. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, đồng thời được tham gia bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, cũng như triển khai các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần như hội thao nội bộ, hoạt động thiện nguyện và các chương trình gắn kết tập thể, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và sự hài lòng của người lao động.

### Công tác an toàn, vệ sinh lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng công tác an toàn lao động nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục. Các quy định về an toàn, vệ sinh lao động được triển khai nghiêm ngặt tại tất cả các đơn vị.

Trong năm 2025, Công ty đã phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức diễn tập phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đây là hoạt động được triển khai thường niên nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp cho người lao động, qua đó hạn chế rủi ro và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc.

### Cam kết phát triển nguồn nhân lực bền vững:

Thông qua việc triển khai đồng bộ các chính sách đối với người lao động, Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và gắn kết, qua đó thu hút, phát triển và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong định hướng phát triển bền vững, Anpha Petrol luôn ý thức rõ trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Bên cạnh việc bảo đảm tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn và vận hành, Công ty chú trọng triển khai các hoạt động an sinh xã hội nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống và tạo giá trị tích cực cho cộng đồng.

Trong năm vừa qua, Anpha Petrol phối hợp cùng Gas Bình Minh và Câu lạc bộ Từ thiện Huỳnh Mai tổ chức chương trình thiện nguyện “Trao Gửi Yêu Thương” tại xã An Hòa, tỉnh Đồng Tháp, với sự chấp thuận và hỗ trợ từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Hội Chữ thập đỏ địa phương. Chương trình đã trao tặng hàng trăm phần quà là các nhu yếu phẩm thiết yếu như gạo, gia vị, dầu ăn, thuốc men và vật dụng y tế đến các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

Bên cạnh các hoạt động thiện nguyện trực tiếp, thương hiệu Gas Bình Minh còn tích cực triển khai nhiều chương trình tài trợ và đồng hành cùng cộng đồng địa phương. Trong năm, Gas Bình Minh đã tham gia tài trợ cho các sự kiện như Ngày hội Đầu bếp Ẩm thực Đồng Nai, chương trình “Bếp nhà bạn an toàn – chúng tôi an tâm”, cũng như các hoạt động thiện nguyện như “Bữa chay yêu thương” kết hợp trao quà cho các hoàn cảnh khó khăn.

Thông qua các chương trình này, Công ty không chỉ góp phần lan tỏa thông điệp về sử dụng gas an toàn trong đời sống hằng ngày mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội, tinh thần sẻ chia và cam kết đồng hành lâu dài cùng cộng đồng.



### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Trong năm vừa qua, Anpha Petrol chưa phát sinh các hoạt động trực tiếp liên quan đến thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang chủ động nghiên cứu các giải pháp công nghệ nhằm tối ưu hóa hiệu suất năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính trong quy trình vận hành, phân phối LPG. Đây là bước chuẩn bị nền tảng để Công ty sẵn sàng tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược kinh doanh. Anpha Petrol cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí phát triển bền vững khi có những hướng dẫn, quy định cụ thể hơn từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và các cơ quan quản lý trong thời gian tới.



# 03 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc



- 
- 56 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
  - 58 Tình hình tài chính
  - 60 Những cải tiến về cơ cấu, chính sách, quản lý
  - 61 Kế hoạch phát triển trong tương lai
  - 61 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
  - 62 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

| Stt | Chỉ tiêu           | ĐVT     | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ TH/ KH 2025(%) | Tỷ lệ TH 2025/ TH 2024 (%) |
|-----|--------------------|---------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|
| 1   | Sản lượng tiêu thụ | Tấn     | 154.008            | 157.399           | 163.383            | 103,80%              | 106,09%                    |
| 2   | Doanh thu          | Tỷ đồng | 3.307              | 3.335             | 3.239              | 97,12%               | 97,94%                     |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 5,3                | 15                | 14,20              | 94,67%               | 267,92%                    |

Sản lượng năm 2025

163.383 tấn

▲ 6,09% so với năm 2024

LNST năm 2025

14,20 tỷ đồng

▲ 167,92% so với năm 2024

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của Anpha Petrol với sự đồng hành từ Ban lãnh đạo mới và đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh LPG trong nước và quốc tế. Nhờ sự quyết liệt trong điều hành, Công ty đã ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, sản lượng tiêu thụ đạt hơn 157 nghìn tấn, vượt 3,80% so với thực hiện năm 2024 và hoàn thành 106,09% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 14,20 tỷ đồng, tăng trưởng đột phá 267,92% so với cùng kỳ, dù mới chỉ đạt 94,67% mục tiêu đề ra do những thách thức chung của thị trường.

Dù các chỉ số tài chính còn khiêm tốn so với tiềm lực và vị thế thương mại sẵn có, nhưng kết quả này là minh chứng rõ nét cho nỗ lực tái cơ cấu bền bỉ của hệ thống. Đây chính là nền tảng vững chắc để Anpha Petrol lấy lại đà tăng trưởng, tiếp tục khẳng định giá trị thương hiệu và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu.

Những tiến bộ Anpha Petrol đạt được trong năm 2025:

- Ra mắt dòng vỏ bình LPG màu hồng mới, hướng đến phát triển thị trường ven biển như Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận; bước đầu ghi nhận sản lượng tăng trưởng tích cực, duy trì ổn định.
- Thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư và tài sản theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi.
- Kiện toàn hệ thống Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ, tăng cường khả năng nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.
- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành theo khung thông lệ tốt
- Tăng cường đầu tư vào hệ thống phân phối và hạ tầng kho bãi, nâng cao năng lực lưu trữ và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động bảo vệ thương hiệu và kiểm soát thị trường, góp phần hạn chế tình trạng gian lận thương mại và nâng cao uy tín doanh nghiệp.
- Tiếp tục triển khai các hoạt động hướng đến phát triển bền vững, cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm với xã hội, môi trường.

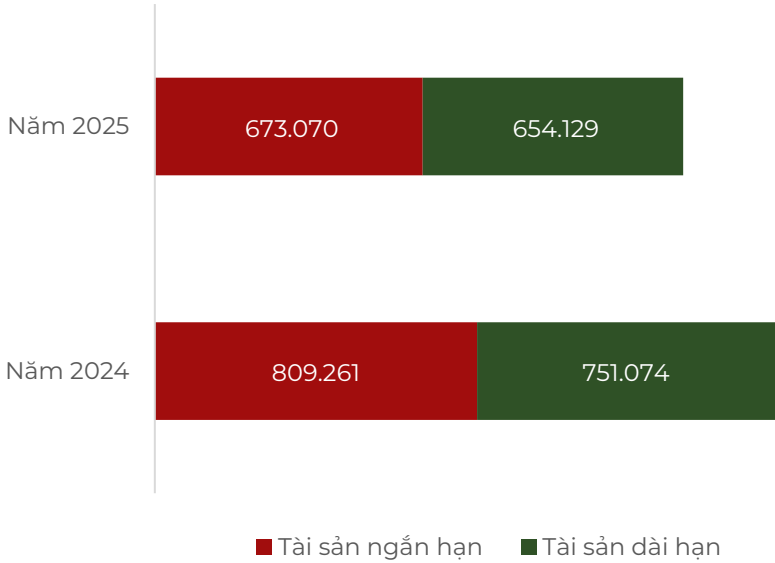


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu         | Năm 2024  | Năm 2025  | Tỷ trọng thay đổi | Tỷ trọng năm 2024 | Tỷ trọng năm 2025 |
|------------------|-----------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 809.261   | 673.070   | -16,83%           | 51,86%            | 50,71%            |
| Tài sản dài hạn  | 751.074   | 654.129   | -12,91%           | 48,14%            | 49,29%            |
| Tổng Tài sản     | 1.560.335 | 1.327.199 | -14,94%           | 100,00%           | 100,00%           |

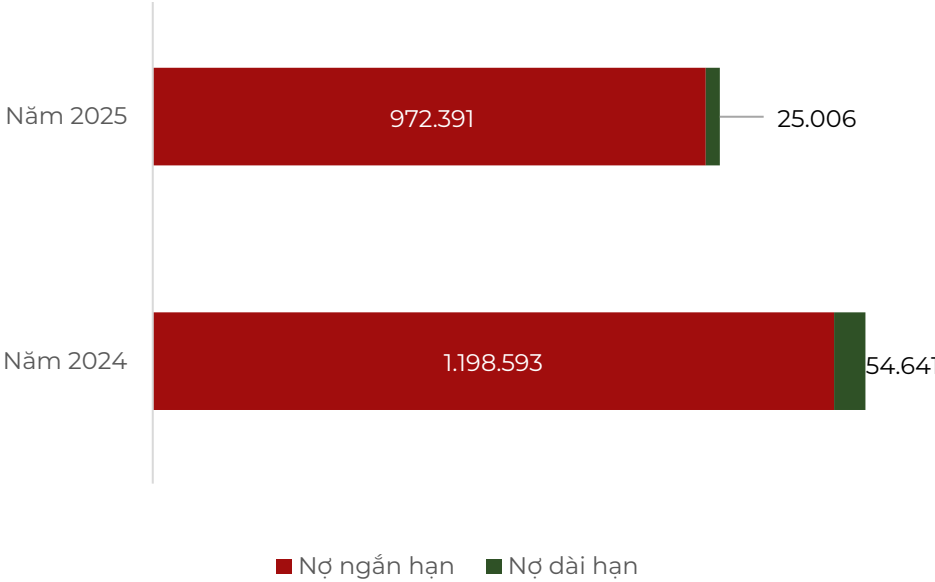


Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của Anpha Petrol ghi nhận 1.327.199 triệu đồng, giảm 14,94% so với năm 2024, với cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn đều có xu hướng giảm tương ứng. Nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động này là do Công ty chủ động sử dụng nguồn lực nội tại để tắt toán các khoản nợ, nhằm giảm đòn bẩy tài chính và tối ưu hóa cấu trúc vốn, khiến giá trị tài sản ngắn hạn đạt 673.070 triệu đồng, giảm 16,83% so với cùng kỳ. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung vào mảng chiết nạp và phân phối LPG, các biến động trong cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu vào nhóm ngắn hạn để phục vụ vận hành; trong khi đó, tài sản dài hạn giảm 12,91% về mức 654.129 triệu đồng, chủ yếu do ảnh hưởng từ việc trích khấu hao tài sản cố định trong kỳ.

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu         | Năm 2024  | Năm 2025 | Tỷ trọng thay đổi | Tỷ trọng năm 2024 | Tỷ trọng năm 2025 |
|------------------|-----------|----------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 1.198.593 | 972.391  | -18,87%           | 95,60%            | 97,49%            |
| Tài sản dài hạn  | 54.641    | 25.006   | -54,24%           | 4,40%             | 2,51%             |
| Tổng Tài sản     | 1.253.235 | 997.397  | -20,41%           | 100,00%           | 100,00%           |



Trong năm 2025, Anpha Petrol đã thực hiện quyết liệt mục tiêu giảm áp lực nợ vay, đưa tổng nợ phải trả về mức 997.397 triệu đồng, giảm hơn 20% so với năm trước. Điểm sáng lớn nhất trong quá trình này là việc Công ty chủ động tắt toán các khoản tín dụng, giúp giá trị vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm mạnh từ 581.083 triệu đồng xuống chỉ còn hơn 375.816 triệu đồng. Sự sụt giảm đáng kể của các khoản vay ngân hàng không chỉ giúp nợ ngắn hạn giảm 18,87% mà còn giúp nợ dài hạn giảm sâu 54,24%, về mức 25.006 triệu đồng. Việc ưu tiên sử dụng nguồn vốn nội tại để giảm đòn bẩy đã giúp cơ cấu tài chính của Công ty trở nên lành mạnh hơn, dù nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn (97,49%) để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh khí hóa lỏng.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, đối mặt với những thách thức của thị trường, Anpha Petrol đã kiên định thực hiện các mục tiêu trọng tâm sau:

- Tăng hiệu suất sử dụng tài sản và tối ưu hóa cấu trúc vốn đầu tư.
- Tinh gọn bộ máy điều hành để tối ưu hóa chi phí quản lý.
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tiêu chuẩn an toàn vận hành.
- Số hóa và chuẩn hóa hệ thống quản lý hiệu suất nhân sự.

**Giải pháp cụ thể để đạt những mục tiêu trên:**

**Tái cấu trúc danh mục đầu tư và tài sản:**

- Thực hiện chuyển nhượng vốn tại công ty con nhằm thoái vốn khỏi các mảng kinh doanh không trọng yếu, tập trung nguồn lực tài chính vào lĩnh vực cốt lõi. Việc này giúp thu hồi vốn, giảm áp lực nợ và tăng cường dòng tiền cho các hoạt động đầu tư hiệu quả hơn.
- Rà soát và tối ưu hóa hiệu suất sử dụng cơ sở hạ tầng kho trạm, đảm bảo tài sản được vận hành đúng mục đích và hiệu quả.

**Kiện toàn hệ thống Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ:**

Vận hành mô hình quản trị rủi ro “Ba tuyến” theo tiêu chuẩn hiện đại để giám sát chặt chẽ mọi hoạt động kinh doanh:

- Tuyến 1: Các chi nhánh trực thuộc chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc nhận diện và kiểm soát rủi ro phát sinh hàng ngày.
- Tuyến 2: Các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng giám sát độc lập, tư vấn và hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị.
- Tuyến 3: Ban lãnh đạo và Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát tối cao, đảm bảo sự tuân thủ, tính minh bạch và khách quan trong toàn bộ hệ thống.

**Nâng cấp hệ thống quản lý an toàn và chất lượng:**

- Triển khai hệ thống Quản lý An toàn Công nghệ (PSM) với 20 yếu tố cốt lõi, giúp Anpha Petrol chủ động kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Duy trì nghiêm ngặt tiêu chuẩn ISO 9001 để chuẩn hóa mọi quy trình từ sản xuất đến dịch vụ khách hàng.
- Tự động hóa công tác giám sát thông qua hệ thống cảm biến rò rỉ LPG tại các kho trạm, đảm bảo an toàn.

**Cải tiến chính sách nhân sự và thương hiệu:**

- Gắn chặt quản lý hiệu suất với đãi ngộ thông qua hệ thống đánh giá hiệu quả công việc một cách minh bạch, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cá nhân và đơn vị.
- Đồng bộ hóa nhận diện thương hiệu (trang phục, biển hiệu) cho hệ thống Gas Bình Minh, đồng thời triển khai các hoạt động tài trợ và truyền thông giúp khách hàng dễ dàng phân biệt sản phẩm chính hãng và nâng cao uy tín công ty trên thị trường.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

| STT | Chỉ tiêu                      | ĐVT     | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | Tỷ lệ KH 2026/ TH 2025 |
|-----|-------------------------------|---------|--------------------|-------------------|------------------------|
| 1   | Tổng sản lượng kinh doanh     | Tấn     | 163.383            | 165.000           | 100,99%                |
|     | • Sản lượng Gas Bình          | Tấn     | 67.681             | 70.000            | 103,43%                |
|     | • SL Gas Công nghiệp & Bồn TM | Tấn     | 95.702             | 95.000            | 99,27%                 |
| 2   | Doanh thu thuần               | Tỷ đồng | 3.239              | 3.500             | 108,06%                |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế            | Tỷ đồng | 14,20              | 20,00             | 140,85%                |

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu dự báo vẫn còn chịu tác động mạnh mẽ bởi các xung đột địa chính trị phức tạp và nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, Anpha Petrol xác định chiến lược trọng tâm là tăng cường khả năng tự chủ nguồn hàng và tối ưu hóa toàn diện chi phí vận hành.

**Về Chủ động nguồn hàng trước biến động địa chính trị**

- Sẵn sàng các kịch bản ứng phó với xung đột quốc tế để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng.
- Duy trì vị thế đơn vị cung ứng ổn định nhờ chiến lược mua bổ sung linh hoạt từ thị trường Nam Trung Quốc và Malaysia.
- Đưa ra quyết định nhập hàng sớm tại thời điểm giá đầu vào thấp để tối ưu chi phí và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

**Về Khai thác tối đa hạ tầng kho bãi chiến lược**

- Tận dụng hệ thống kho cảng tại các vị trí đắc địa để chủ động nhập hàng hải ngoại khối lượng lớn.
- **Tại miền Bắc:** Vận hành hiệu quả kho Anpha Đình Vũ (1.800 tấn) và kho Hải Linh (1.500 tấn).
- **Tại miền Nam:** Phát huy năng lực kho MT Gas (1.250 tấn) và kho Bến Lức (1.250 tấn).

**Về Tối ưu hóa bộ máy và tiết giảm chi phí vận hành**

- Tiếp tục duy trì và phát huy mô hình hệ thống cửa hàng bán lẻ đã được tinh gọn từ năm 2025.
- Tập trung cắt giảm các chi phí quản lý không thiết yếu, tinh giản quy trình vận hành.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh trên từng đơn vị sản phẩm thông qua bộ máy quản trị tinh gọn và linh hoạt.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

không có



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên. Toàn bộ hoạt động chiết nạp, tồn trữ và vận chuyển khí được tổ chức và kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan. Công ty đặc biệt chú trọng ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến trong vận hành hệ thống khí, nhằm đảm bảo an toàn, ổn định và hiệu quả. Việc đầu tư, cải tiến công nghệ không chỉ góp phần nâng cao hiệu suất hoạt động mà còn hướng tới giảm thiểu phát thải, tiết kiệm năng lượng và hạn chế tối đa các tác động đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty triển khai các biện pháp kiểm soát và xử lý chất thải một cách hiệu quả, bao gồm khí thải, nước thải và chất thải rắn, đảm bảo tuân thủ quy định và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh. Song song, Công ty đẩy mạnh công tác tuyên truyền nội bộ, đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các chương trình đào tạo được triển khai thường xuyên nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự có đầy đủ kiến thức, kỹ năng trong việc vận hành an toàn hệ thống và tuân thủ các quy định về môi trường.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm phát thải và bảo vệ hệ sinh thái, từng bước đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về môi trường trong ngành năng lượng.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thực hiện đầy đủ việc chi trả lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ. Đồng thời, Công ty từng bước xây dựng hệ thống đãi ngộ theo hướng cạnh tranh trên thị trường lao động, nhằm đảm bảo thu hút và giữ chân nguồn nhân lực có chất lượng. Tại Công ty, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn được quan tâm một cách toàn diện, từ thể lực đến trí lực, từ điều kiện vật chất đến đời sống tinh thần. Các chính sách chăm sóc sức khỏe, phúc lợi và môi trường làm việc được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao sự gắn kết và mức độ hài lòng của người lao động.

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và ổn định cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Trong dài hạn, Công ty định hướng xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn nhân lực theo hướng hiện đại, hiệu quả, gắn với chiến lược phát triển chung. Đồng thời, đẩy mạnh các chính sách thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, hướng tới xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Với vai trò và trách nhiệm của một doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng, Công ty luôn gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Công ty chú trọng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời chủ động phòng ngừa và hạn chế tối đa các rủi ro, sự cố liên quan đến an toàn cháy nổ trong quá trình hoạt động.

Công ty cam kết cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng đã công bố, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, đặc biệt đối với vỏ bình LPG và hệ thống phân phối. Qua đó, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty tích cực triển khai các hoạt động an sinh xã hội và hỗ trợ cộng đồng. Các chương trình tiêu biểu bao gồm vận động cán bộ, công nhân viên tham gia quyên góp, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ tại các tỉnh miền Trung; tổ chức các hoạt động thiện nguyện, trao tặng quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Đồng Tháp.

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo và tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của cán bộ, công nhân viên và các đối tác về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Song song, Công ty xây dựng môi trường làm việc an toàn, không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe của người lao động, đối tác, khách hàng, và cộng đồng địa phương qua đó góp phần tạo dựng môi trường kinh doanh có trách nhiệm và bền vững.

Những nỗ lực trên thể hiện cam kết của Công ty trong việc hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.



# 04 Đánh giá của Hội đồng quản trị



- 
- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
  - 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
  - 67 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Anpha Petrol đã có những chuyển biến tích cực. Công ty đã từng bước cải thiện hiệu quả kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí và ghi nhận sự phục hồi rõ nét về lợi nhuận giúp công ty đạt lợi nhuận dương năm thứ 2 liên tiếp.

Về quản trị và điều hành, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro, từng bước tiếp cận các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt, đồng thời chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực và nền tảng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và vận hành.

Bên cạnh kết quả hoạt động kinh doanh, Anpha Petrol tiếp tục duy trì môi trường làm việc minh bạch, chú trọng chính sách đãi ngộ và đào tạo, qua đó góp phần nâng cao sự gắn kết và chất lượng nguồn nhân lực.

Đồng thời, Công ty cũng tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động an sinh cộng đồng và chương trình thiện nguyện. Các chương trình hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, kết hợp với các hoạt động tài trợ và truyền thông về sử dụng năng lượng an toàn, đã góp phần lan tỏa giá trị tích cực và nâng cao hình ảnh của Công ty tại các địa phương.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá cáo tình thần trách nhiệm và nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách chủ động, linh hoạt và bám sát các định hướng chiến lược đã đề ra. Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Ban điều hành đã kịp thời triển khai các giải pháp kiểm soát chi phí, tối ưu vận hành và tái cấu trúc hoạt động, qua đó góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh và phục hồi lợi nhuận.

Ban Tổng Giám đốc cũng đã thể hiện vai trò tích cực trong việc củng cố hệ thống phân phối, nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho và sử dụng tài sản, đồng thời duy trì ổn định hoạt động kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, Ban điều hành đã chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc mở rộng sang các lĩnh vực năng lượng mới như LNG/CNG, bao gồm nghiên cứu thị trường, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng quan hệ với các đối tác chiến lược.

Về công tác quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao tính minh bạch trong điều hành và từng bước tiếp cận các thông lệ quản trị tốt bằng cách cử nhân sự tham gia khóa học quản trị công ty.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu đầy biến động bởi các xung đột địa chính trị, Anpha Petrol xác định chiến lược trọng tâm là kiên trì mục tiêu tái cấu trúc, lấy việc chủ động nguồn cung và tối ưu hóa nội lực làm nền tảng cho sự phát triển bền vững.

### Nâng tầm quản trị: Tuân thủ và Minh bạch

Anpha Petrol cam kết không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết mà còn hướng tới mục tiêu vượt trên mức tuân thủ cơ bản.

Công khai & Minh bạch: Thực hiện công bố thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ, đảm bảo các cổ đông và nhà đầu tư có quyền tiếp cận thông tin công bằng. Hệ thống văn bản quy phạm nội bộ như Điều lệ, Quy chế quản trị sẽ liên tục được cập nhật để phù hợp với các chuẩn mực quản trị tốt nhất.

Trách nhiệm giải trình: Kiện toàn hệ thống phân cấp phân quyền và nâng cao vai trò giám sát của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, đảm bảo mọi quyết định điều hành đều được thực hiện dựa trên nguyên tắc minh bạch và vì lợi ích tối ưu của Cổ đông.

### Đảm bảo an ninh nguồn cung trước biến động địa chính trị

Chủ động nguồn LPG: Xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt trước tình trạng xung đột chính trị leo thang. Tiếp tục duy trì vị thế đơn vị đảm bảo hàng hóa thông suốt nhờ chiến lược nhập khẩu bổ sung từ các thị trường lân cận

Tối ưu hạ tầng kho bãi: Khai thác triệt để hệ thống kho cảng chiến lược tại hai miền (Đình Vũ, Hải Linh tại miền Bắc và MT Gas, Bến Lức tại miền Nam) để chủ động nhập hàng hải ngoại khối lượng lớn tại thời điểm giá thấp, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

### Phát triển hệ sinh thái năng lượng xanh (LNG/CNG)

Đón đầu xu hướng: Phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành để hiện thực hóa chiến lược kinh doanh sản phẩm LNG/CNG.

Tạo động lực mới: Từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch của thị trường, tạo ra nguồn lợi nhuận bền vững trong trung và dài hạn.

### Tối ưu hóa cấu trúc tài chính và vận hành

Giảm đòn bẩy tài chính: Tiếp tục ưu tiên sử dụng nguồn lực nội tại để tất toán các khoản nợ vay ngân hàng, giảm chi phí tài chính và nâng cao sức khỏe bảng cân đối kế toán.

Vận hành tinh gọn: Duy trì mô hình cửa hàng bán lẻ tinh giản, tập trung vào hiệu quả kinh doanh thực chất trên từng đơn vị sản phẩm và quyết liệt xử lý các khoản đầu tư kém hiệu quả để bảo toàn vốn đầu tư.

# 05

## Quản trị Công ty



- 70 Hội đồng quản trị
- 72 Ủy Ban kiểm toán
- 74 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY ĐỔI TRONG NĂM: không có

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

| Stt | Thành viên HĐQT         | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Tomohiko Kawamoto   | 19/19                    | 100%              | -                       |
| 2   | Ông Kobayashi Naoki     | 19/19                    | 100%              | -                       |
| 3   | Ông Sakamoto Shinichiro | 19/19                    | 100%              | -                       |
| 4   | Ông Nitta Kazufuku      | 19/19                    | 100%              | -                       |
| 5   | Ông Kentaro Jimba       | 19/19                    | 100%              | -                       |

### HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban: Tính đến thời điểm 31/12/2025, ngoại trừ Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị không có các tiểu ban khác.

### NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp với nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                      |
|-----|--------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 18/02/2025 | Về việc ngày đăng ký cuối cùng thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                      |
| 2   | 02/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 28/02/2025 | Về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp, cổ phần tại CTCP Dầu khí Sài Gòn – Hà Nội |
| 3   | 03/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 5/03/2025  | Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Khí Đốt Gia Đình                                      |
| 4   | 04/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 11/03/2025 | Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                                            |

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5   | 05/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 13/03/2025 | Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025                                                                                                 |
| 6   | 06/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 21/03/2025 | Thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Dầu Khí Sài Gòn – Hà Nội                                                     |
| 7   | 07/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 27/03/2025 | Thành lập Ban kiểm phiếu Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025                                                                                      |
| 8   | 08/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 23/04/2025 | Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty TNHH Một Thành Viên Khí Đốt Gia Đình                                                         |
| 9   | 09/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 8/05/2025  | Thay đổi người đại diện theo ủy quyền quản lý cổ phần tại Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hoàng Anh                                                       |
| 10  | 10/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 23/05/2025 | Thông qua nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025                                                                                           |
| 11  | 11/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 30/05/2025 | Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Thương mại năng lượng Miền Trung                                                                   |
| 12  | 11a/2025/HĐQT.NQ-ASP     | 02/06/2025 | Thông qua Quy chế về việc ủy quyền đại diện quản lý phần vốn góp, cổ phần của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha tại các doanh nghiệp được đầu tư |
| 13  | 12/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 26/06/2025 | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu Khí An Pha                                                                                     |
| 14  | 12a/2025/HĐQT.NQ-ASP     | 1/7/2025   | Liên quan đến Hợp đồng lao động của Phó Tổng Giám đốc Công ty                                                                                          |
| 15  | 13/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 11/7/2025  | Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025                                                                                                                |
| 16  | 14/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 12/8/2025  | Thông qua và ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán                                                                                           |
| 17  | 15/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 10/9/2025  | Thông qua và ban hành Quy chế bảo mật thông tin, bí mật kinh doanh và bí mật thương mại                                                                |
| 18  | 16/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 14/10/2025 | Thông qua giao dịch với bên liên quan                                                                                                                  |
| 19  | 17/2025/HĐQT.NQ-ASP      | 31/10/2025 | Đồng ý sử dụng hạn mức tại ngân hàng Bangkok                                                                                                           |

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán đã thực hiện đầy đủ và hiệu quả vai trò giám sát đối với HĐQT, Ban điều hành theo quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các quy định có liên quan, cụ thể:

- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc qua các cuộc họp phát sinh trong kỳ
- Rà soát và thẩm tra tính chính xác, hợp lệ của các hoạt động kế toán;
- Thẩm định các Báo cáo tài chính (năm, bán niên, quý);
- Giám sát và đưa ra kiến nghị về tình hình hoạt động của công ty;
- Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;
- Rà soát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản quan trọng trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
- Kiến nghị rà soát và giám sát quy trình thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo nghị định 245/2025/NĐ-CP bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

### CÁC CUỘC HỌP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm, Ủy ban kiểm toán đã tiến hành tổ chức 2 cuộc họp:

| Stt | Thành viên HĐQT    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Kentaro Jimba  | 02/02               | 100%              | 100%             | -                       |
| 2   | Ông Nitta Kazufuku | 02/02               | 100%              | 100%             | -                       |

Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Biên bản          | Ngày       | Nội dung                                                                                          |
|-----|----------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/2025/UBKT.BBH-ASP | 09/05/2025 | Soát xét tình hình tài chính của Công ty, kiểm kê tồn kho, công nợ, các khoản chi phí của Công ty |
| 2   | 02/2025/UBKT.BBH-ASP | 05/12/2025 | Báo cáo về tình hình hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025                                      |

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

| Họ tên                  | Chức vụ                                                                           | Thù lao | Lương         | Thưởng |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------|--------|
| I. Hội đồng quản trị    |                                                                                   |         |               |        |
| Ông Tomohiko Kawamoto   | Chủ tịch HĐQT                                                                     | 0       | 0             | 0      |
| Ông Kobayashi Naoki     | Thành viên HĐQT                                                                   | 0       | 0             | 0      |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên HĐQT                                                                   | 0       | 0             | 0      |
| Ông Nitta Kazufuku      | Thành viên HĐQT độc lập                                                           | 0       | 0             | 0      |
| Ông Kentaro Jimba       | Thành viên HĐQT độc lập                                                           | 0       | 0             | 0      |
| II. Ban Tổng Giám đốc   |                                                                                   |         |               |        |
| Ông Kobayashi Naoki     | Tổng Giám đốc                                                                     | 0       | 546.393.986   | 0      |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Phó Tổng Giám đốc                                                                 | 0       | 558.657.299   | 0      |
| Ông Trần Duy Luân       | Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng quản trị | 0       | 1.282.125.569 | 0      |
| Ông Lại Văn Tú          | Kế toán trưởng                                                                    | 0       | 715.709.565   | 0      |
| III. Ủy ban kiểm toán   |                                                                                   |         |               |        |
| Ông Kentaro Jimba       | Chủ tịch UBKT                                                                     | 0       | 0             | 0      |
| Ông Nitta Kazufuku      | Thành viên UBKT                                                                   | 0       | 0             | 0      |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Ông Trần Duy Luân         | Người nội bộ             | 0                         | 0     | 1.000.000                  | 2,68% | Tăng tỷ lệ sở hữu                                  |

## HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                            | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp                                         | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                                                                   | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua                                                   | Nội dung giao dịch            | Số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND) |
|-----|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha                 | Công ty con                       | GCNĐKDN số 0101639000 ngày 11/04/2005 do Sở Tài chính Hà Nội cấp        | Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phú Đồng, Thành phố Hà Nội                                  | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Mua LPG                       | 456.217.655.743                        |
|     |                                                |                                   |                                                                         |                                                                                                        |                                 |                                                                                                     | Bán LPG, cho thuê Vô bình gas | 381.273.764.562                        |
| 2   | Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình              | Công ty con                       | GCNĐKDN số 0301687763 ngày 13/08/2009 do Sở Tài chính TP.HCM cấp        | Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh                                    | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG, cho thuê Vô bình gas | 867.800.253.568                        |
|     |                                                |                                   |                                                                         |                                                                                                        |                                 |                                                                                                     | Phí Vận chuyển LPG            | 6.794.367.629                          |
| 3   | Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh       | Công ty con                       | GCNĐKDN số 0302309796 ngày 21/05/2001 do Sở Tài chính TP. HCM cấp       | Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG                       | 7.217.388.943                          |
|     |                                                |                                   |                                                                         |                                                                                                        |                                 |                                                                                                     |                               |                                        |
| 4   | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina            | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 0300694567 ngày 05/06/2007 do Sở Tài chính TP.HCM cấp        | 22 Đường 25A, Phường Bình Phú, TP Hồ Chí Minh                                                          | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Mua vỏ bình gas               | 3.722.613.120                          |
| 5   | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 2900502944 ngày 06/05/2002 do Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An cấp  | Khối 2, Phường Vinh Phú, Nghệ An                                                                       | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG                       | 48.798.952.300                         |
| 6   | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas     | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 3602566983 ngày 15/08/2011 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp | Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai                                             | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG                       | 10.176.189.744                         |
| 7   | Công ty TNHH LPG Tiến Phát                     | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 1101801470 ngày 30/09/2015 do Sở Tài chính Tỉnh Long An cấp  | Ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh                                                                       | 01/01/2025 – 30/06/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024                                                    | Cho vay vốn                   | 8.151.782                              |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                              | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp                                           | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                                                 | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua                                                   | Nội dung giao dịch    | Số lượng, tổng giá trị giao dịch (VND) |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|
| 8   | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh           | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 3700838402 ngày 17/10/2007 do Sở Tài chính Tỉnh Bình Dương cấp | Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh         | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 25.523.263.732                         |
| 9   | Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                    | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 0303062196 ngày 26/08/2003 do Sở Tài chính TP.HCM cấp          | Số 39 Đường số 2, khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh                   | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 48.730.818.799                         |
| 10  | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội         | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 0104120485 ngày 19/08/2009 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp      | Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Long Biên, Hà Nội | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 73.436.084.459                         |
| 11  | Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 0401480794 ngày 09/03/2012 do Sở Tài chính TP. Đà Nẵng cấp     | Tầng 2-107B Phan Thanh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng                          | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 51.143.085.104                         |
| 12  | Công ty Cổ phần MT Gas                           | Công ty liên kết                  | GCNĐKDN số 1100480979 ngày 12/02/2007 do Sở Tài chính Tỉnh Long An cấp    | 5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, Xã Bến Lức, Tây Ninh                                      | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Phí gửi kho           | 508.400.820                            |
|     |                                                  |                                   |                                                                           |                                                                                      |                                 |                                                                                                     | Bán LPG, Phí thuê kho | 21.922.021.805                         |
| 13  | Công ty TNHH Sopet Gas One                       | Công ty liên quan                 | GCNĐKDN số 3600817399 ngày 5/05/2006 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp    | Ấp 2, Xã Đại Phước, Đồng Nai                                                         | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 30.127.195.037                         |
| 14  | Saisan Co., Ltd                                  | Công ty liên quan                 | Số CA6567, ngày 10/09/2013, do Japan cấp                                  | Japan, Saitama ken, Saitama Shi, Omiya-ku, Sakuragi-cho,1-11-5                       | 01/01/2025 – 31/12/2025         | NQ HĐQT Số: 29/2024/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2024 & NQ HĐQT Số: 16/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày: 14/10/2025 | Bán LPG               | 2.598.381.787                          |

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ban hành, điều chỉnh theo quy định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị. Đồng thời, Công ty duy trì và đảm bảo thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

# 06 Báo cáo tài chính



78 Ý kiến kiểm toán

80 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

## Ý KIẾN KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,  
Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn  
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn



Số: 172/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 28/3/2026, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế IMPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

019  
TY  
IH  
OAI  
INA  
01

019  
TY  
IH  
OAI  
INA  
01

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| TÀI SẢN                                                       | MS         | TM         | 31/12/2025               | 01/01/2025               |
|---------------------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                               |            |            | VND                      | VND                      |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b><br>(100 = 110+120+130+140+150)    | <b>100</b> |            | <b>673.070.424.459</b>   | <b>809.260.745.299</b>   |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                  | <b>110</b> | <b>5.1</b> | <b>76.813.855.652</b>    | <b>189.235.485.622</b>   |
| 1. Tiền                                                       | 111        |            | 76.813.855.652           | 129.235.485.622          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                                 | 112        |            | -                        | 60.000.000.000           |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                          | <b>120</b> | <b>5.2</b> | <b>22.925.010.400</b>    | <b>20.200.000.000</b>    |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                            | 123        |            | 22.925.010.400           | 20.200.000.000           |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                       | <b>130</b> |            | <b>525.306.587.250</b>   | <b>512.293.093.307</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                           | 131        | 5.3        | 543.614.785.083          | 524.959.435.850          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                           | 132        | 5.4        | 9.252.243.693            | 11.831.984.414           |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn                               | 135        | 5.5        | 8.250.000.000            | 20.925.000.000           |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                                     | 136        | 5.6        | 32.097.479.863           | 24.265.038.419           |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                         | 137        | 5.7        | (68.065.344.236)         | (69.699.715.604)         |
| 6. Tài sản thiếu chờ xử lý                                    | 139        |            | 157.422.847              | 11.350.228               |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                                       | <b>140</b> | <b>5.8</b> | <b>38.233.776.454</b>    | <b>68.517.151.486</b>    |
| 1. Hàng tồn kho                                               | 141        |            | 42.357.830.772           | 74.010.032.518           |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                             | 149        |            | (4.124.054.318)          | (5.492.881.032)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                               | <b>150</b> |            | <b>9.791.194.703</b>     | <b>19.015.014.884</b>    |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                                 | 151        | 5.9        | 5.863.484.789            | 6.926.165.194            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                                    | 152        |            | 1.085.690.344            | 7.115.568.510            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                   | 153        | 5.10       | 2.842.019.570            | 4.973.281.180            |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b><br>(200 = 210+220+230+240+250+260) | <b>200</b> |            | <b>654.128.566.667</b>   | <b>751.074.152.640</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                          | <b>210</b> |            | <b>38.900.198.589</b>    | <b>39.267.098.590</b>    |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn                                | 215        | 5.5        | 19.737.320.000           | 13.737.320.000           |
| 2. Phải thu dài hạn khác                                      | 216        | 5.6        | 19.162.878.589           | 25.529.778.590           |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                                    | <b>220</b> |            | <b>93.130.929.701</b>    | <b>109.444.419.213</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                   | 221        | 5.11       | 17.532.469.586           | 25.869.602.965           |
| - Nguyên giá                                                  | 222        |            | 171.992.432.748          | 181.688.829.776          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                      | 223        |            | (154.459.963.162)        | (155.819.226.811)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                                    | 227        | 5.12       | 75.598.460.115           | 83.574.816.248           |
| - Nguyên giá                                                  | 228        |            | 108.127.491.549          | 108.165.491.549          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                      | 229        |            | (32.529.031.434)         | (24.590.675.301)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                               | <b>230</b> |            | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>                            | <b>240</b> |            | -                        | -                        |
| <b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>                  | <b>250</b> | <b>5.2</b> | <b>118.463.396.587</b>   | <b>129.167.240.172</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                    | 252        |            | 118.463.396.587          | 129.167.240.172          |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                             | 253        |            | 16.340.000.000           | 16.340.000.000           |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn                 | 254        |            | (16.340.000.000)         | (16.340.000.000)         |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                               | <b>260</b> |            | <b>403.634.041.790</b>   | <b>473.195.394.665</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                                  | 261        | 5.9        | 402.715.765.807          | 469.574.901.391          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                             | 262        | 5.13       | 614.089.484              | 2.895.985.956            |
| 3. Lợi thế thương mại                                         | 269        | 5.14       | 304.186.499              | 724.507.318              |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>                      | <b>270</b> |            | <b>1.327.198.991.126</b> | <b>1.560.334.897.939</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

| NGUỒN VỐN                                       | MS         | TM          | 31/12/2025               | 01/01/2025               |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                 |            |             | VND                      | VND                      |
| <b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>           | <b>300</b> |             | <b>997.397.214.647</b>   | <b>1.253.234.664.905</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                           | <b>310</b> |             | <b>972.390.588.225</b>   | <b>1.198.593.325.555</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                  | 311        | 5.15        | 570.175.035.200          | 593.987.591.296          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn            | 312        |             | 1.356.598.545            | 4.040.488.007            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước          | 313        | 5.10        | 7.307.320.447            | 2.134.797.024            |
| 4. Phải trả người lao động                      | 314        |             | 8.530.373.430            | 8.201.810.313            |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                    | 315        | 5.16        | 904.082.385              | 3.300.454.775            |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn            | 318        | 5.17        | -                        | 90.000.000               |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                       | 319        | 5.18        | 7.738.133.544            | 5.192.338.993            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn            | 320        | 5.19        | 375.816.910.872          | 581.083.711.345          |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi                     | 322        |             | 562.133.802              | 562.133.802              |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                           | <b>330</b> |             | <b>25.006.626.422</b>    | <b>54.641.339.350</b>    |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn             | 336        | 5.17        | -                        | 10.658.453.030           |
| 2. Phải trả dài hạn khác                        | 337        | 5.18        | 10.748.381.996           | 19.545.549.446           |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn             | 338        | 5.19        | -                        | 7.409.790.000            |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả              | 341        | 5.13        | 14.258.244.426           | 17.027.546.874           |
| <b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410+430)</b>         | <b>400</b> |             | <b>329.801.776.479</b>   | <b>307.100.233.034</b>   |
| <b>I- Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>5.20</b> | <b>329.801.776.479</b>   | <b>307.100.233.034</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 373.399.290.000          | 373.399.290.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 373.399.290.000          | 373.399.290.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | 1.433.420.000            | 1.433.420.000            |
| 3. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | (3.639.900)              | (3.639.900)              |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 306.228.116              | 306.228.116              |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối            | 421        |             | (47.337.624.872)         | (74.017.361.672)         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | (61.292.446.949)         | (81.146.787.427)         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 13.954.822.077           | 7.129.425.755            |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát              | 429        |             | 2.004.103.135            | 5.982.296.490            |
| <b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br>(440 = 300+400)   | <b>440</b> |             | <b>1.327.198.991.126</b> | <b>1.560.334.897.939</b> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lai Văn Tú

Lai Văn Tú

Kobayhashi Naoki

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| CHỈ TIÊU                                                                 | MS | TM   | Năm 2025          | Năm 2024          |
|--------------------------------------------------------------------------|----|------|-------------------|-------------------|
|                                                                          |    |      | VND               | VND               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                | 01 | 6.1  | 3.316.793.895.954 | 3.334.606.586.974 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                          | 02 | 6.1  | 77.710.773.294    | 27.869.612.267    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)          | 10 | 6.1  | 3.239.083.122.660 | 3.306.736.974.707 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                      | 11 | 6.2  | 2.884.413.878.977 | 2.986.483.325.212 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)            | 20 |      | 354.669.243.683   | 320.253.649.495   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                         | 21 | 6.3  | 6.803.488.650     | 16.644.876.070    |
| 7. Chi phí tài chính                                                     | 22 | 6.4  | 41.557.898.004    | 48.211.612.756    |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                                | 23 |      | 25.463.185.621    | 25.173.672.415    |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                   | 24 |      | 3.984.565.075     | 1.486.167.841     |
| 9. Chi phí bán hàng                                                      | 25 | 6.5  | 222.511.344.714   | 208.241.444.926   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                         | 26 | 6.6  | 93.085.262.341    | 87.897.447.236    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)} | 30 |      | 8.302.792.349     | (5.965.811.512)   |
| 12. Thu nhập khác                                                        | 31 | 6.7  | 20.032.290.112    | 8.643.474.773     |
| 13. Chi phí khác                                                         | 32 | 6.7  | 4.022.074.541     | 1.348.481.698     |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)                                          | 40 | 6.7  | 16.010.215.571    | 7.294.993.075     |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)                       | 50 |      | 24.313.007.920    | 1.329.181.563     |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                          | 51 | 6.8  | 10.603.125.400    | 48.812.971        |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                           | 52 | 6.9  | (487.405.976)     | (4.058.728.888)   |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)             | 60 |      | 14.197.288.496    | 5.339.097.480     |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                                    | 61 |      | 13.954.822.077    | 7.129.425.755     |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                       | 62 |      | 242.466.419       | (1.790.328.275)   |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                             | 70 | 6.10 | 374               | 191               |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Lai Văn Tú

Kế toán trưởng

Lai Văn Tú

Tổng Giám đốc

Kobayhashi Naoki



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| CHỈ TIÊU                                                                                   | MS | TM | Năm 2025         | Năm 2024          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|------------------|-------------------|
|                                                                                            |    |    | VND              | VND               |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh                                                 |    |    |                  |                   |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01 |    | 24.313.007.920   | 1.329.181.563     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                |    |    |                  |                   |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư                                                   | 02 |    | 16.843.637.534   | 25.067.580.605    |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03 |    | (2.964.248.135)  | (2.349.559.705)   |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 |    | (176.299.043)    | (958.186.574)     |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05 |    | (7.667.080.373)  | (7.995.395.139)   |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06 |    | 25.463.185.621   | 25.173.672.415    |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08 |    | 55.812.203.524   | 40.267.293.165    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09 |    | (49.219.851.671) | 231.212.081.779   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10 |    | 31.652.201.746   | 21.615.724.120    |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11 |    | (14.175.160.993) | (237.488.359.162) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12 |    | 67.921.815.989   | 85.439.467.447    |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14 |    | (26.379.279.137) | (25.653.562.175)  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15 |    | (8.740.046.962)  | (4.469.704.558)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20 |    | 56.871.882.496   | 110.922.940.616   |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư                                                    |    |    |                  |                   |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                          | 21 |    | (3.951.421.988)  | (5.570.962.000)   |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       | 22 |    | 6.248.265.455    | 3.201.778.276     |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23 |    | (71.525.010.400) | (72.900.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24 |    | 75.475.000.000   | 94.723.500.000    |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25 |    | (8.219.683.500)  | (5.543.523.669)   |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26 |    | 41.356.809.793   | 6.110.293.283     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27 |    | 3.863.814.850    | 9.893.334.557     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30 |    | 43.247.774.210   | 29.914.420.447    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 03 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| CHỈ TIÊU                                                | MS | TM  | Năm 2025            | Năm 2024            |
|---------------------------------------------------------|----|-----|---------------------|---------------------|
|                                                         |    |     | VND                 | VND                 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính             |    |     |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                   | 33 |     | 1.462.177.216.369   | 2.279.044.173.411   |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay                              | 34 |     | (1.674.843.656.842) | (2.446.710.926.335) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính            | 40 |     | (212.666.440.473)   | (167.666.752.924)   |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)         | 50 |     | (112.546.783.767)   | (26.829.391.861)    |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                        | 60 |     | 189.235.485.622     | 215.989.245.836     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |     | 125.153.797         | 75.631.647          |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)       | 70 | 5.1 | 76.813.855.652      | 189.235.485.622     |

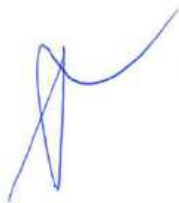
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Lai Văn Tú

Lai Văn Tú

Kobayhashi Naoki



119  
TY  
H  
AN  
NAI  
1-2

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 02/4/2004, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 21 ngày 14/8/2025 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 629 người (tại ngày 31/12/2024 là 664 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như công bố trên Công thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

| STT                                                             | Tên Công ty                                  | Địa chỉ                                                                                            | Hoạt<br>kinh doanh chính             | Tỷ lệ<br>quyền<br>biểu<br>quyết | Tỷ lệ<br>vốn<br>góp | Tỷ lệ<br>lợi ích |
|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------|------------------|
| Các Công ty con trực tiếp                                       |                                              |                                                                                                    |                                      |                                 |                     |                  |
| 1                                                               | Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha               | Lô CN03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phú Đồng, Thành phố Hà Nội                               | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 98,56%                          | 98,56%              | 98,56%           |
| 2                                                               | Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định            | Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh                                | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 100,00%                         | 100,00%             | 100,00%          |
| 3                                                               | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo | Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 97,99%                          | 97,99%              | 97,99%           |
| 4                                                               | Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang           | Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội                                       | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 51,00%                          | 51,00%              | 51,00%           |
| Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp) |                                              |                                                                                                    |                                      |                                 |                     |                  |
| 5                                                               | Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh     | Phòng 805, Lầu 08 Tòa nhà Saigon Paragon, số 03 Nguyễn Lương, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 99,99%                          | 99,99%              | 99,99%           |
| 6                                                               | Công ty TNHH MTV Minh Gia (i)                | Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Tỉnh Bình Dương       | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 100,00%                         | 100,00%             | 100,00%          |

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty TNHH MTV Minh Gia tạm dừng hoạt động theo Thông báo số 156/2024/TB-MG ngày 26/11/2024. Đồng thời, Công ty đang làm các thủ tục cần thiết để thông báo cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

| STT | Tên Công ty                                                 | Địa chỉ                                                                                        | Hoạt động kinh<br>doanh chính        | Tỷ lệ quyền<br>biểu quyết | Tỷ lệ<br>vốn góp | Tỷ lệ<br>lợi ích |
|-----|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|------------------|------------------|
| 1   | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội                                   | Sản xuất bình Gas                    | 35,00%                    | 35,00%           | 35,00%           |
| 2   | Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | Khối 2, Phường Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An                                          | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 49,00%                    | 49,00%           | 49,00%           |
| 3   | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Phú, Thành phố Hà Nội                                 | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 49,00%                    | 49,00%           | 49,00%           |
| 4   | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | Số 01, KP 2, Xa Lô Hà Nội, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai                                     | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 49,00%                    | 49,00%           | 49,00%           |
| 5   | Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | Áp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Long An                                                                | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 49,00%                    | 49,00%           | 49,00%           |
| 6   | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | Số 148/1A Đường Tân An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh           | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 35,00%                    | 35,00%           | 35,00%           |
| 7   | Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                               | 39 Đường số 2, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh                                | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 20,00%                    | 20,00%           | 20,00%           |
| 8   | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 33,00%                    | 33,00%           | 33,00%           |
| 9   | Công ty Cổ phần MT Gas                                      | 5/1 Khu Phố 6, Quốc lộ 1A, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh                                           | Mua bán khí dầu mỏ<br>hóa lỏng (LPG) | 40,73%                    | 40,73%           | 40,73%           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Báo cáo tài chính của các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp như được trình bày tại Thuyết minh số 1.3.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Các khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải thu (Phải thu khách hàng): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

D.N  
C  
T  
KIẾ  
PA  
H.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)**

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

**Các khoản đầu tư khác:**

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

| Nhóm tài sản             | Thời gian khấu hao (năm) |
|--------------------------|--------------------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 10 - 30                  |
| Máy móc, thiết bị        | 08                       |
| Thiết bị văn phòng       | 03                       |
| Phương tiện vận tải      | 07 - 08                  |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

19/12/2025  
TỶ  
H  
ÁN  
HAI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm các địa điểm sau đây:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/02/2051);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Thạnh Xuân, Tp. Cần Thơ (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp, xã Phú Đồng, thành phố Hà Nội (thời hạn sử dụng đất đến ngày 13/7/2057);
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng (thời hạn sử dụng đất đến ngày 02/6/2048).

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Cho thuê tài sản (Tiếp theo)**

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí bảo lãnh mua LPG**

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

**Tiền thuê tài sản trả trước**

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)**

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

**Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG**

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước khi Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa nhận được hóa đơn hoặc có hồ sơ có liên quan.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)****Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas**

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | 31/12/2025<br>VND     | 01/01/2025<br>VND      |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt                        | 1.387.978.613         | 2.272.036.118          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 75.425.877.039        | 126.927.564.038        |
| Tiền đang chuyển                | -                     | 35.885.466             |
| Các khoản tương đương tiền      | -                     | 60.000.000.000         |
| <b>Tổng</b>                     | <b>76.813.855.652</b> | <b>189.235.485.622</b> |

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                      | 31/12/2025 (VND)      |                       | 01/01/2025 (VND)      |                       |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                      | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        | Giá gốc               | Giá trị ghi sổ        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 22.925.010.400        | 22.925.010.400        | 20.200.000.000        | 20.200.000.000        |
| <b>Tổng</b>          | <b>22.925.010.400</b> | <b>22.925.010.400</b> | <b>20.200.000.000</b> | <b>20.200.000.000</b> |

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất áp dụng là 4,8%/năm. Trong đó, giá trị tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Nam Sài Gòn bị phong tỏa để làm tài sản đảm bảo để phục vụ cho việc khởi kiện của Công ty là 2.000.000.000 VND.

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Tỷ lệ                                                       | 31/12/2025 (VND) |                  |                        | 01/01/2025 (VND) |                                         |                                                  |
|-------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------------|------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|
|                                                             | Vốn nắm giữ      | Quyền biểu quyết | Giá gốc                | Giá trị hợp lý   | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| <b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>                          |                  |                  | <b>155.859.613.905</b> |                  | <b>118.463.396.587</b>                  | <b>129.167.240.172</b>                           |
| Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina (ii)                     | 35,00%           | 35,00%           | 18.945.079.125         | (i)              | 27.184.216.649                          | (i) 16.185.089.150                               |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 49,00%           | 49,00%           | 1.470.000.000          | (i)              | -                                       | (i) -                                            |
| Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát              | 49,00%           | 49,00%           | 2.385.320.000          | (i)              | -                                       | (i) -                                            |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 49,00%           | 49,00%           | 7.513.340.000          | (i)              | -                                       | (i) -                                            |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | 49,00%           | 49,00%           | 2.940.000.000          | (i)              | -                                       | (i) 1.290.516.538                                |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | 35,00%           | 35,00%           | 13.650.000.000         | (i)              | 11.028.480.632                          | (i) 10.705.749.189                               |
| Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                               | 20,00%           | 20,00%           | 34.000.000.000         | (i)              | 16.279.682.038                          | (i) 16.291.534.559                               |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | 33,00%           | 33,00%           | 20.000.000.000         | (i)              | 15.964.481.230                          | (i) 16.211.366.280                               |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung (iii)      | 40,54%           | 40,54%           | 19.256.500.000         | (i)              | -                                       | (i) 17.476.150.888                               |
| Công ty Cổ phần MT Gas (iv)                                 | 40,73%           | 40,73%           | 35.699.374.780         | (i)              | 48.006.536.038                          | (i) 51.006.833.568                               |
| <b>Tổng</b>                                                 |                  |                  | <b>155.859.613.905</b> |                  | <b>118.463.396.587</b>                  | <b>129.167.240.172</b>                           |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

| b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo) | 31/12/2025 (VND) |                  | 01/01/2025 (VND) |                     |
|-----------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|---------------------|
| Tỷ lệ                                         | Vốn nắm giữ      | Quyền biểu quyết | Giá gốc          | Giá trị hợp lý      |
| Đầu tư vào đơn vị khác                        |                  |                  | 16.340.000.000   | 16.340.000.000      |
| Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông |                  |                  | 9.600.000.000    | (i) (9.600.000.000) |
| Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thất Sảng |                  |                  | 6.740.000.000    | (i) (6.740.000.000) |
| Tổng                                          |                  |                  | 16.340.000.000   | (16.340.000.000)    |

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2025 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina theo Nghị quyết số 04/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 01/4/2025 của Hội đồng quản trị.
- (iii) Theo Nghị quyết số 11/2025/HĐQT.NQ-ASP ngày 30/5/2025 của Hội đồng quản trị, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung.
- (iv) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2025. Cụ thể, tại ngày 31/12/2025, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 6.700 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.345 cổ phiếu.

Các giao dịch với các Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                                                         | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú                                                       | 27.588.878.729    | 22.916.343.615    |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát                                          | 29.438.598.598    | 30.017.648.777    |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lòng Hoàng Anh                                                  | 14.626.933.063    | 21.242.915.418    |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                                                  | 27.386.164.542    | 43.934.711.764    |
| Các đối tượng khác                                                                      | 444.574.210.151   | 406.847.816.276   |
| Tổng                                                                                    | 543.614.785.083   | 524.959.435.850   |
| Trong đó,<br>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2) | 145.498.585.027   | 201.505.617.902   |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                     | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương | 5.779.640.718     | 5.779.640.718     |
| Các đối tượng khác                  | 3.472.602.975     | 6.052.343.696     |
| Tổng                                | 9.252.243.693     | 11.831.984.414    |

5.5 Phải thu về cho vay

|                                                                                         | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| a) Ngắn hạn                                                                             | 8.250.000.000     | 20.925.000.000    |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                                              | -                 | 475.000.000       |
| Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng (i)                                      | 4.000.000.000     | 4.000.000.000     |
| Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vi Na (ii)                                               | 2.800.000.000     | 15.000.000.000    |
| Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lòng Be Ta Gas (iii)                                        | 1.450.000.000     | 1.450.000.000     |
| b) Dài hạn                                                                              | 19.737.320.000    | 13.737.320.000    |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)                        | 5.520.000.000     | 5.520.000.000     |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)                                      | 14.217.320.000    | 8.217.320.000     |
| Tổng                                                                                    | 27.987.320.000    | 34.662.320.000    |
| Trong đó,<br>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2) | 23.987.320.000    | 30.662.320.000    |

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024, sau đó đã được gia hạn đến hết ngày 31/12/2025. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên. Theo Thông báo số 12/CV/PTCKT/ASP/2025 ngày 26/12/2025, Hợp đồng sẽ không được gia hạn, Công ty đang làm việc với Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng để thu hồi khoản nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

(ii) Khoản cho Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na vay theo Hợp đồng số 1905/2025/HDCV/ASP-HVGC ngày 19/5/2025, số tiền vay là 2.800.000.000 VND. Lãi suất tiền vay là 8%/năm. Thời hạn vay: đến hết ngày 30/4/2026.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản vay được gia hạn hết 30/6/2026 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐVV/ASP-BETA/2025 ngày 01/7/2025. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

5.6 Phải thu khác

|                                                          | 31/12/2025 (VND)      |                        | 01/01/2025 (VND)      |                        |
|----------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                                          | Giá trị ghi sổ        | Dự phòng               | Giá trị ghi sổ        | Dự phòng               |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                                       | <b>32.097.479.863</b> | <b>(2.356.832.662)</b> | <b>24.265.038.419</b> | <b>(1.830.982.971)</b> |
| - Phải thu người lao động                                | 5.074.577.845         | (1.108.532.983)        | 7.264.476.800         | (1.108.532.983)        |
| - Ký cược ký quỹ ngắn hạn                                | 17.883.419.000        | -                      | 2.659.379.000         | -                      |
| - Phải thu khác                                          | 9.139.483.018         | (1.248.299.679)        | 14.341.182.619        | (722.449.988)          |
| + Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay                    | 783.793.827           | -                      | 238.311.368           | -                      |
| + Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần                    | 3.725.000.000         | -                      | 5.639.000.000         | -                      |
| + Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa            | 291.311.075           | -                      | 321.652.568           | -                      |
| + Ông Lại Văn Tú (i)                                     | 400.000.000           | -                      | 400.000.000           | -                      |
| + Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii) | 2.591.619.929         | -                      | 889.195.480           | -                      |
| + Ông Ngô Mạnh Hùng                                      | -                     | -                      | 6.000.000.000         | -                      |
| + Các khoản khác                                         | 1.347.758.187         | (1.248.299.679)        | 853.023.203           | (722.449.988)          |
| <b>b) Dài hạn</b>                                        | <b>19.162.878.589</b> | <b>-</b>               | <b>25.529.778.590</b> | <b>-</b>               |
| - Ký cược ký quỹ dài hạn                                 | 19.162.878.589        | -                      | 25.344.778.589        | -                      |
| - Phải thu khác                                          | -                     | -                      | 185.000.001           | -                      |
| - Ông Trần Quốc Bửu                                      | -                     | -                      | 185.000.001           | -                      |
| <b>Tổng</b>                                              | <b>51.260.358.452</b> | <b>(2.356.832.662)</b> | <b>49.794.817.009</b> | <b>(1.830.982.971)</b> |

Trong đó,  
Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Nợ xấu

|                                                     | 31/12/2025 (VND)                        |                       |                        |                         | 01/01/2025 (VND)                        |                       |                        |                         |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                     | Thời gian quá hạn                       | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                | Thời gian quá hạn                       | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng                |
| Các khoản phải thu khách hàng                       |                                         | 60.478.147.631        | 1.848.860.027          | (58.629.287.604)        |                                         | 61.976.303.793        | 1.186.795.136          | (60.789.508.657)        |
| Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định                | Trên 3 năm                              | 16.905.567.752        | -                      | (16.905.567.752)        | Trên 3 năm                              | 16.905.567.752        | -                      | (16.905.567.752)        |
| Các khách hàng nhận chuyển giao từ Công ty Gia Định | Trên 3 năm                              | 11.530.838.292        | -                      | (11.530.838.292)        | Trên 3 năm                              | 12.034.838.292        | -                      | (12.034.838.292)        |
| Các đối tượng khác                                  | Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm | 32.041.741.587        | 1.848.860.027          | (30.192.881.560)        | Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm | 33.035.897.749        | 1.186.795.136          | (31.849.102.613)        |
| Trả trước cho người bán                             |                                         | 7.079.223.970         | -                      | (7.079.223.970)         |                                         | 7.079.223.976         | -                      | (7.079.223.976)         |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương                 | Trên 3 năm                              | 5.779.640.718         | -                      | (5.779.640.718)         | Trên 3 năm                              | 5.779.640.718         | -                      | (5.779.640.718)         |
| Các đối tượng khác                                  | Trên 3 năm                              | 1.299.583.252         | -                      | (1.299.583.252)         | Trên 3 năm                              | 1.299.583.258         | -                      | (1.299.583.258)         |
| Phải thu khác                                       |                                         | 2.361.832.662         | 5.000.000              | (2.356.832.662)         |                                         | 1.830.982.971         | -                      | (1.830.982.971)         |
| Bà Phạm Thị Hồng Nhạn (i)                           | Từ 1 năm đến 2 năm                      | 383.588.249           | -                      | (383.588.249)           | Trên 3 năm                              | -                     | -                      | -                       |
| Ông Trần Minh Loan (i)                              | Từ 1 năm đến 2 năm                      | 233.612.029           | -                      | (233.612.029)           | Trên 3 năm                              | -                     | -                      | -                       |
| Các đối tượng khác                                  | Từ trên 6 tháng đến 3 năm và trên 3 năm | 1.744.632.384         | 5.000.000              | (1.739.632.384)         | Trên 3 năm                              | 1.830.982.971         | -                      | (1.830.982.971)         |
| <b>Tổng</b>                                         |                                         | <b>69.919.204.263</b> | <b>1.853.860.027</b>   | <b>(68.065.344.236)</b> |                                         | <b>70.886.510.740</b> | <b>1.186.795.136</b>   | <b>(69.699.715.604)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.8 Hàng tồn kho**

|                                     | 31/12/2025 (VND)      |                        | 01/01/2025 (VND)      |                        |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|                                     | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng               |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 992.979.868           | (107.996)              | 908.860.119           | (122.292)              |
| Công cụ, dụng cụ                    | 9.624.829.420         | (121.352.000)          | 6.827.287.758         | (121.352.000)          |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 489.261.241           | -                      | 555.956.690           | -                      |
| Hàng hóa                            | 31.250.760.243        | (4.002.594.322)        | 65.717.927.951        | (5.371.406.740)        |
| <b>Tổng</b>                         | <b>42.357.830.772</b> | <b>(4.124.054.318)</b> | <b>74.010.032.518</b> | <b>(5.492.881.032)</b> |

**5.9 Chi phí trả trước**

|                                                  | 31/12/2025<br>VND      | 01/01/2025<br>VND      |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>a) Ngắn hạn</b>                               | <b>5.863.484.789</b>   | <b>6.926.165.194</b>   |
| Chi phí bảo lãnh mua LPG                         | 234.161.163            | 309.995.157            |
| Chi phí sửa chữa                                 | 2.900.835              | 154.135.001            |
| Chi phí thuê mặt bằng                            | 1.637.872.091          | 1.989.741.704          |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng                       | 540.138.837            | 912.766.554            |
| Chi phí trả trước khác                           | 3.448.411.863          | 3.559.526.778          |
| <b>b) Dài hạn</b>                                | <b>402.715.765.807</b> | <b>469.574.901.391</b> |
| Chi phí mua vỏ chai LPG (i)                      | 135.905.203.827        | 179.924.103.312        |
| Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG   | 66.437.284.544         | 63.078.559.840         |
| Chi phí thuê kho bãi                             | 1.572.000.000          | 3.499.200.000          |
| Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii) | 185.743.156.412        | 221.525.526.606        |
| Chi phí trả trước khác                           | 13.058.121.024         | 1.547.511.633          |
| <b>Tổng</b>                                      | <b>408.579.250.596</b> | <b>476.501.066.585</b> |

(i) Chi phí mua vỏ chai LPG được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các con của Công ty.

D.N  
CÔ  
TÌ  
IỂM  
4 VI  
YÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

**Mẫu số B 09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

|                                                    | Đơn vị tính: VND     |                          |                        |                      |
|----------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|----------------------|
|                                                    | 01/01/2025           | Số phải nộp<br>trong năm | Số đã nộp<br>trong năm | 31/12/2025           |
| <b>Phải nộp</b>                                    | <b>2.134.797.024</b> | <b>258.245.773.879</b>   | <b>253.073.250.456</b> | <b>7.307.320.447</b> |
| Thuế giá trị gia tăng                              | 1.212.588.181        | 218.708.179.008          | 217.382.322.043        | 2.538.445.146        |
| Thuế xuất, nhập khẩu                               | 149.296.480          | 24.561.443.509           | 23.914.703.433         | 796.036.556          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                         | 59.753.639           | 12.131.926.716           | 8.740.046.962          | 3.451.633.393        |
| Thuế thu nhập cá nhân                              | 713.158.724          | 2.388.233.970            | 2.580.187.342          | 521.205.352          |
| Thuế Bảo vệ môi trường<br>và thuế khác             | -                    | 281.245.490              | 281.245.490            | -                    |
| Phí, lệ phí và các khoản<br>phải nộp khác          | -                    | 174.745.186              | 174.745.186            | -                    |
| <b>Phải thu</b>                                    | <b>4.973.281.180</b> | <b>2.133.785.991</b>     | <b>2.524.381</b>       | <b>2.842.019.570</b> |
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa                     | 85.302.398           | 1.507.854                | -                      | 83.794.544           |
| Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp nộp thừa             | 4.846.628.494        | 2.120.634.198            | -                      | 2.725.994.296        |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa                     | 11.643.939           | 11.643.939               | -                      | -                    |
| Thuế Bảo vệ môi trường<br>và thuế khác nộp thừa    | 16.500.000           | -                        | 2.524.381              | 19.024.381           |
| Phí, lệ phí và các khoản<br>phải nộp khác nộp thừa | 13.206.349           | -                        | -                      | 13.206.349           |

01  
NG  
/H  
TO  
ETN  
101

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

|                                | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Tổng             |
|--------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------|
|                                | Đơn vị tính: VND       |                   |                                 |                           |                    |                  |
| NGUYÊN GIÁ                     |                        |                   |                                 |                           |                    |                  |
| Số dư tại ngày 01/01/2025      | 29.329.972.777         | 81.721.328.624    | 63.893.894.952                  | 6.705.503.423             | 38.130.000         | 181.688.829.776  |
| Tăng trong năm                 | 751.993.480            | -                 | 3.080.428.508                   | -                         | -                  | 3.832.421.988    |
| Mua trong năm                  | 751.993.480            | -                 | 3.080.428.508                   | -                         | -                  | 3.832.421.988    |
| Giảm trong năm                 | -                      | -                 | (13.528.819.016)                | -                         | -                  | (13.528.819.016) |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                      | -                 | (13.382.746.397)                | -                         | -                  | (13.382.746.397) |
| Giảm tài sản do không hiện hữu | -                      | -                 | (146.072.619)                   | -                         | -                  | (146.072.619)    |
| Số dư tại ngày 31/12/2025      | 30.081.966.257         | 81.721.328.624    | 53.445.504.444                  | 6.705.503.423             | 38.130.000         | 171.992.432.748  |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ         |                        |                   |                                 |                           |                    |                  |
| Số dư tại ngày 01/01/2025      | 24.258.861.470         | 74.753.473.817    | 50.564.422.400                  | 6.204.339.124             | 38.130.000         | 155.819.226.811  |
| Tăng trong năm                 | 2.236.680.016          | 2.312.861.217     | 3.510.471.826                   | 267.947.523               | -                  | 8.327.960.582    |
| Khấu hao trong năm             | 2.236.680.016          | 2.312.861.217     | 3.510.471.826                   | 267.947.523               | -                  | 8.327.960.582    |
| Giảm trong năm                 | -                      | -                 | (9.687.224.231)                 | -                         | -                  | (9.687.224.231)  |
| Thanh lý, nhượng bán           | -                      | -                 | (9.687.224.231)                 | -                         | -                  | (9.687.224.231)  |
| Số dư tại ngày 31/12/2025      | 26.495.541.486         | 77.066.335.034    | 44.387.669.995                  | 6.472.286.647             | 38.130.000         | 154.459.963.162  |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                |                        |                   |                                 |                           |                    |                  |
| Tại ngày 01/01/2025            | 5.071.111.307          | 6.967.854.807     | 13.329.472.552                  | 501.164.299               | -                  | 25.869.602.965   |
| Tại ngày 31/12/2025            | 3.586.424.771          | 4.654.993.590     | 9.057.834.449                   | 233.216.776               | -                  | 17.532.469.586   |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 123.634.325.349 VND (tại ngày 01/01/2025: 92.032.530.514 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

|                                  | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tổng            |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ                       |                   |                   |                 |
| Số dư tại ngày 01/01/2025        | 77.003.448.071    | 31.162.043.478    | 108.165.491.549 |
| Tăng trong năm                   | -                 | 119.000.000       | 119.000.000     |
| Mua trong năm                    | -                 | 119.000.000       | 119.000.000     |
| Giảm trong năm                   | -                 | (157.000.000)     | (157.000.000)   |
| Giảm do thoái đầu tư Công ty con | -                 | (157.000.000)     | (157.000.000)   |
| Số dư tại ngày 31/12/2025        | 77.003.448.071    | 31.124.043.478    | 108.127.491.549 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ           |                   |                   |                 |
| Số dư tại ngày 01/01/2025        | 11.623.487.137    | 12.967.188.164    | 24.590.675.301  |
| Tăng trong năm                   | 2.111.738.952     | 5.983.617.181     | 8.095.356.133   |
| Khấu hao trong năm               | 2.111.738.952     | 5.983.617.181     | 8.095.356.133   |
| Giảm trong năm                   | -                 | (157.000.000)     | (157.000.000)   |
| Giảm do thoái đầu tư Công ty con | -                 | (157.000.000)     | (157.000.000)   |
| Số dư tại ngày 31/12/2025        | 13.735.226.089    | 18.793.805.345    | 32.529.031.434  |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI                  |                   |                   |                 |
| Tại ngày 01/01/2025              | 65.379.960.934    | 18.194.855.314    | 83.574.816.248  |
| Tại ngày 31/12/2025              | 63.268.221.982    | 12.330.238.133    | 75.598.460.115  |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 670.543.000 VND (tại ngày 01/01/2025: 718.343.000 VND).

5.13 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

|                                                                                      | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                                    |                   |                   |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 614.089.484       | 2.895.985.956     |
| Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại                                                  | 614.089.484       | 2.895.985.956     |
| Trong đó,                                                                            | 20%               | 20%               |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại       |                   |                   |
| b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                                                   |                   |                   |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 14.258.244.426    | 17.027.546.874    |
| Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả                                                 | 14.258.244.426    | 17.027.546.874    |
| Trong đó,                                                                            | 20%               | 20%               |
| Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả      |                   |                   |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Lợi thế thương mại

a. Chi tiết lợi thế thương mại

|                                          | 31/12/2025<br>VND  | 01/01/2025<br>VND  |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh | -                  | 382.297.507        |
| Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang       | 304.186.499        | 342.209.811        |
| <b>Tổng</b>                              | <b>304.186.499</b> | <b>724.507.318</b> |

b. Biến động của lợi thế thương mại trong năm

|                                                | Năm 2025<br>VND    | Năm 2024<br>VND    |
|------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm     | 108.970.707.625    | 116.309.727.506    |
| Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm   | (108.246.200.307)  | (107.043.694.457)  |
| Số phân bổ vào chi phí trong năm               | (420.320.819)      | (4.688.540.293)    |
| Giảm do mất kiểm soát Công ty con              | -                  | (3.852.985.438)    |
| <b>Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm</b> | <b>304.186.499</b> | <b>724.507.318</b> |

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                                              | 31/12/2025 (VND)       |                          | 01/01/2025 (VND)       |                          |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                                                              | Giá trị<br>ghi sổ      | Số có khả<br>năng trả nợ | Giá trị<br>ghi sổ      | Số có khả<br>năng trả nợ |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | 155.197.034.007        | 155.197.034.007          | 291.565.147.848        | 291.565.147.848          |
| Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina                                           | 161.881.654.008        | 161.881.654.008          | 55.289.415.005         | 55.289.415.005           |
| EI Corporation                                                               | 132.423.055.982        | 132.423.055.982          | 183.748.231.975        | 183.748.231.975          |
| Phải trả người bán khác                                                      | 120.673.291.203        | 120.673.291.203          | 63.384.796.468         | 63.384.796.468           |
| <b>Tổng</b>                                                                  | <b>570.175.035.200</b> | <b>570.175.035.200</b>   | <b>593.987.591.296</b> | <b>593.987.591.296</b>   |

Trong đó,  
Phải trả người bán là các bên  
liên quan (Chi tiết tại Thuyết  
minh số 7.2)

|             |             |             |             |
|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 248.541.516 | 248.541.516 | 814.088.237 | 814.088.237 |
|-------------|-------------|-------------|-------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                                                                          | 31/12/2025<br>VND  | 01/01/2025<br>VND    |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Trích trước chi phí lãi vay                                                              | 61.812.548         | 977.906.064          |
| Trích trước chi phí khác                                                                 | 842.269.837        | 2.322.548.711        |
| <b>Tổng</b>                                                                              | <b>904.082.385</b> | <b>3.300.454.775</b> |
| Trong đó,<br>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại<br>Thuyết minh số 7.2) | -                  | 1.599.088.419        |

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

|                                                                                 | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND     |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn                                                                     | -                 | 90.000.000            |
| Doanh thu cho thuê tài sản nhận được                                            | -                 | 90.000.000            |
| b) Dài hạn                                                                      | -                 | 10.658.453.030        |
| Lợi nhuận chưa thực hiện của giao dịch bán tài sản dài hạn cho công ty liên kết | -                 | 10.658.453.030        |
| <b>Tổng</b>                                                                     | <b>-</b>          | <b>10.748.453.030</b> |

5.18 Phải trả khác

|                                                      | 31/12/2025<br>VND     | 01/01/2025<br>VND     |
|------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn                                          | 7.738.133.544         | 5.192.338.993         |
| Tài sản thừa chờ giải quyết                          | 91.120.997            | 17.940.835            |
| Kinh phí công đoàn                                   | 190.175.437           | 184.183.923           |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 314.202.177           | 327.274.465           |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                        | 54.000.000            | 54.000.000            |
| Cổ tức phải trả                                      | 885.420.764           | 885.420.764           |
| Chiết khấu phải trả                                  | 1.202.979.636         | 274.451.591           |
| Phải trả ngắn hạn khác                               | 5.000.234.533         | 3.449.067.415         |
| b) Dài hạn                                           | 10.748.381.996        | 19.545.549.446        |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                         | 10.748.381.996        | 19.545.549.446        |
| <b>Tổng</b>                                          | <b>18.486.515.540</b> | <b>24.737.888.439</b> |

Trong đó,  
Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết  
minh số 7.2)

|                |                |
|----------------|----------------|
| 12.742.041.105 | 11.350.716.250 |
|----------------|----------------|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

| Ghi chú                                                | 31/12/2025 (VND) |                       |                   | Trong năm (VND)   |                   |                       | 01/01/2025 (VND) |  |
|--------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|------------------|--|
|                                                        | Giá trị          | Số có khả năng trả nợ | Tăng              | Giảm              | Giá trị           | Số có khả năng trả nợ |                  |  |
| a) Các khoản vay ngắn hạn<br>Vay ngắn hạn              |                  |                       |                   |                   |                   |                       |                  |  |
|                                                        |                  | 375.816.910.872       | 375.816.910.872   | 1.463.358.176.369 | 1.668.624.976.842 | 581.083.711.345       | 581.083.711.345  |  |
|                                                        |                  | 368.167.580.872       | 368.167.580.872   | 1.462.177.216.369 | 1.633.700.726.842 | 539.691.091.345       | 539.691.091.345  |  |
|                                                        | (i)              | 23.905.207.890        | 23.905.207.890    | 48.907.203.090    | 25.001.995.200    | -                     | -                |  |
| (ii)                                                   | 211.437.688.892  | 211.437.688.892       | 880.572.960.462   | 864.065.783.873   | 194.930.512.303   | 194.930.512.303       | 194.930.512.303  |  |
| (iii)                                                  | 59.473.294.341   | 59.473.294.341        | 217.925.555.097   | 219.485.706.804   | 61.033.446.048    | 61.033.446.048        | 61.033.446.048   |  |
| (iv)                                                   | 73.351.389.749   | 73.351.389.749        | 264.539.820.520   | 474.915.563.765   | 283.727.132.994   | 283.727.132.994       | 283.727.132.994  |  |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hội An | -                | -                     | 50.231.677.200    | 50.231.677.200    | -                 | -                     | -                |  |
|                                                        | 7.649.330.000    | 7.649.330.000         | 1.180.960.000     | 34.924.250.000    | 41.392.620.000    | 41.392.620.000        | 41.392.620.000   |  |
| Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (iv)       | -                | -                     | 83.000.000        | 5.193.200.000     | 5.110.200.000     | 5.110.200.000         | 5.110.200.000    |  |
| (v)                                                    | 7.649.330.000    | 7.649.330.000         | 1.097.960.000     | 29.731.050.000    | 36.282.420.000    | 36.282.420.000        | 36.282.420.000   |  |
| b) Các khoản vay dài hạn                               | -                | -                     | -                 | 7.409.790.000     | 7.409.790.000     | 7.409.790.000         | 7.409.790.000    |  |
|                                                        | -                | -                     | -                 | 7.409.790.000     | 7.409.790.000     | 7.409.790.000         | 7.409.790.000    |  |
| Tổng                                                   | 375.816.910.872  | 375.816.910.872       | 1.463.358.176.369 | 1.676.034.766.842 | 588.493.501.345   | 588.493.501.345       | 588.493.501.345  |  |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH – CN Hà Nội số BBL-HN 02/2016 ngày 03/3/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 08 ngày 20/06/2025:

|                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hạn mức tín dụng                                                                                                                                                                                                       | : 15.000.000 USD                                                                                                                                                                                                                             |
| Thời hạn của các khoản vay                                                                                                                                                                                             | : Không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn                                                                                                                                                                                                       |
| Mục đích                                                                                                                                                                                                               | : Bỏ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C                                                                                                                                                                                                     |
| Lãi suất                                                                                                                                                                                                               | : Chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 0,5%/năm                                                                                                                                                                                           |
| Biện pháp bảo đảm                                                                                                                                                                                                      | : Thư tín dụng dự phòng do Ngân hàng Saitama Resona Bank Limited phát hành                                                                                                                                                                   |
| (ii) Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Mizuho HCM”) ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021: |                                                                                                                                                                                                                                              |
| Hạn mức tín dụng                                                                                                                                                                                                       | : Ngân hàng Mizuho HCM đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh; |
| Thời hạn của các khoản vay                                                                                                                                                                                             | : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn                                                                                                                                                                                                       |
| Mục đích sử dụng vốn                                                                                                                                                                                                   | : Bỏ sung vốn lưu động                                                                                                                                                                                                                       |
| Lãi suất:                                                                                                                                                                                                              | : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.                                 |
| Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu                                                                                                                                                                            | : Ngày 25/3/2020. Trừ khi Ngân hàng Mizuho HCM ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải của Hợp đồng ban đầu Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.                            |
| Biện pháp bảo lãnh                                                                                                                                                                                                     | : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.                                                                                                                                                                     |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(iii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/017/25 ngày 03/3/2025 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

|                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hạn mức tín dụng                                                                                                                                                                                      | : Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.                                                                                         |
| Thời hạn của các khoản vay                                                                                                                                                                            | : Không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn                                                                                                                                                          |
| Mục đích sử dụng vốn                                                                                                                                                                                  | : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác                                                                            |
| Lãi suất:                                                                                                                                                                                             | : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng                                                                                                                                                       |
| Thời hạn rút vốn                                                                                                                                                                                      | : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2025 đến ngày 15/3/2026, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.    |
| Biện pháp bảo đảm                                                                                                                                                                                     | : khoản vay không có tài sản đảm bảo                                                                                                                                                            |
| (iv) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (“Ngân hàng Bangkok HCM”) số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021: |                                                                                                                                                                                                 |
| Hạn mức tín dụng                                                                                                                                                                                      | : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;                                                                                                         |
| Thời hạn của các khoản vay                                                                                                                                                                            | : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn                                                                                                                                                          |
| Mục đích sử dụng vốn                                                                                                                                                                                  | : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay                                                                                                                                                        |
| Thời hạn rút vốn                                                                                                                                                                                      | : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo; |
| Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn:                                                                                                                                                                 | : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.                                                                |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(v) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

|                        |                                                                                                                 |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số tiền cho vay        | : 2.900.000 USD                                                                                                 |
| Ngày giải ngân         | : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026                                                               |
| Ngày hoàn trả đầu tiên | : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD |
| Mục đích vay           | : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan                                                               |
| Lãi suất vay           | : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần                            |
| Biện pháp bảo đảm      | : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.                                                                           |

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

|                                                                                         | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND                |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------|
|                                                                                         |                        |                      |              |                       |                                   | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng             |
| Số dư tại ngày 01/01/2024                                                               | 373.399.290.000        | 1.433.420.000        | (3.639.903)  | 306.228.116           | (84.767.270.589)                  | 30.188.929.648                  | 320.556.957.275  |
| Lãi/(lỗ) trong năm trước                                                                | -                      | -                    | -            | -                     | 7.129.425.755                     | (1.790.328.275)                 | 5.339.097.480    |
| Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết                                     | -                      | -                    | -            | -                     | 1.341.478.942                     | -                               | 1.341.478.942    |
| Mất kiểm soát Công ty con                                                               | -                      | -                    | -            | -                     | -                                 | (22.416.304.883)                | (22.416.304.883) |
| Biến động khác                                                                          | -                      | -                    | -            | -                     | 2.279.004.220                     | -                               | 2.279.004.220    |
| Số dư tại ngày 31/12/2024                                                               | 373.399.290.000        | 1.433.420.000        | (3.639.900)  | 306.228.116           | (74.017.361.672)                  | 5.982.296.490                   | 307.100.233.034  |
| Số dư tại ngày 01/01/2025                                                               | 373.399.290.000        | 1.433.420.000        | (3.639.900)  | 306.228.116           | (74.017.361.672)                  | 5.982.296.490                   | 307.100.233.034  |
| Lãi trong năm nay                                                                       | -                      | -                    | -            | -                     | 13.954.822.077                    | 242.466.419                     | 14.197.288.496   |
| Biến động trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết                                     | -                      | -                    | -            | -                     | 10.449.184.721                    | -                               | 10.449.184.721   |
| Thoái đầu tư Công ty con (i)                                                            | -                      | -                    | -            | -                     | -                                 | (4.230.227.205)                 | (4.230.227.205)  |
| Chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty liên kết đang áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu | -                      | -                    | -            | -                     | 2.285.297.433                     | -                               | 2.285.297.433    |
| Tăng/giảm khác                                                                          | -                      | -                    | -            | -                     | (9.567.431)                       | 9.567.431                       | -                |
| Số dư tại ngày 31/12/2025                                                               | 373.399.290.000        | 1.433.420.000        | (3.639.900)  | 306.228.116           | (47.337.624.872)                  | 2.004.103.135                   | 329.801.776.479  |

(i) Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải, một Công ty con của Công ty, đã thực hiện giải thể và chấm dứt hoạt động, chi tiết số lỗ từ thoái đầu tư trình bày tại Thuyết minh số 6.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                    | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| Saisan Co., Ltd.   | 179.984.260.000   | 179.984.260.000   |
| Ông Trần Minh Loan | 21.881.000.000    | 21.881.000.000    |
| Các cổ đông khác   | 171.534.030.000   | 171.534.030.000   |
| Tổng               | 373.399.290.000   | 373.399.290.000   |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

|                           | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu |                 |                 |
| Vốn góp tại đầu năm       | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |
| Vốn góp tăng trong năm    | -               | -               |
| Vốn góp giảm trong năm    | -               | -               |
| Vốn góp tại cuối năm      | 373.399.290.000 | 373.399.290.000 |

d. Cổ phiếu

|                                                | 31/12/2025<br>Cổ phiếu | 01/01/2025<br>Cổ phiếu |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành            | 37.339.929             | 37.339.929             |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng         | 37.339.929             | 37.339.929             |
| Cổ phiếu phổ thông                             | 37.339.929             | 37.339.929             |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại                 | 387                    | 387                    |
| Cổ phiếu phổ thông                             | 387                    | 387                    |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                | 37.339.542             | 37.339.542             |
| Cổ phiếu phổ thông                             | 37.339.542             | 37.339.542             |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu) | 10.000                 | 10.000                 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

|                       | 31/12/2025<br>VND | 01/01/2025<br>VND |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 306.228.116       | 306.228.116       |
| Tổng                  | 306.228.116       | 306.228.116       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất****a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                           | 31/12/2025<br>VND     | 01/01/2025<br>VND     |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống       | 6.573.426.000         | 6.307.426.000         |
| Từ 01 năm đến dưới 05 năm | 20.271.742.000        | 5.299.662.000         |
| Trên 05 năm               | -                     | -                     |
| <b>Tổng</b>               | <b>26.845.168.000</b> | <b>11.607.088.000</b> |

**b. Ngoại tệ các loại**

|                              | 31/12/2025    | 01/01/2025    |
|------------------------------|---------------|---------------|
| Theo giá trị nguyên tệ USD   | 78.566,80     | 74.337,88     |
| Theo giá trị tương đương VND | 2.051.929.116 | 1.877.105.808 |

**c. Nợ khó đòi đã xử lý**

|                                                    | Số nợ đã xóa         |                      |                     |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
|                                                    | 31/12/2025<br>VND    | 01/01/2025<br>VND    | Thời điểm<br>xóa nợ |
| Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam | 1.300.000.000        | 1.300.000.000        | Năm 2021            |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt                | 848.863.238          | 848.863.238          | Năm 2023            |
| Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin                | 1.199.617.606        | 1.199.617.606        | Năm 2023            |
| Công ty Cổ phần Petrolimex                         | 13.238.290           | 13.238.290           | Năm 2023            |
| <b>Tổng</b>                                        | <b>3.361.719.134</b> | <b>3.361.719.134</b> |                     |

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                 | Năm 2025<br>VND          | Năm 2024<br>VND          |
|-------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   |                          |                          |
| Doanh thu bán LPG                               | 3.269.885.859.110        | 3.270.031.179.818        |
| Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas              | 9.753.878.420            | 9.874.189.514            |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác | 37.154.158.424           | 54.701.217.642           |
| <b>Tổng</b>                                     | <b>3.316.793.895.954</b> | <b>3.334.606.586.974</b> |

Trong đó,

|                                                                   |                 |                 |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2) | 709.578.389.083 | 976.433.122.906 |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                       |                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 67.917.327.639        | 19.583.637.426        |
| Giảm giá hàng bán     | 3.395.864.556         | 1.662.196.637         |
| Hàng bán bị trả lại   | 6.397.581.099         | 6.623.778.204         |
| <b>Tổng</b>           | <b>77.710.773.294</b> | <b>27.869.612.267</b> |

Trong đó,

|                                                                                      |                |                |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Các khoản giảm trừ doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2) | 30.283.687.944 | 10.266.607.120 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|

**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                 |                          |                          |
|-------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán LPG                               | 3.192.175.085.816        | 3.242.161.567.551        |
| Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas              | 9.753.878.420            | 9.874.189.514            |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác | 37.154.158.424           | 54.701.217.642           |
| <b>Tổng</b>                                     | <b>3.239.083.122.660</b> | <b>3.306.736.974.707</b> |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

|                                                    | Năm 2025<br>VND          | Năm 2024<br>VND          |
|----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn bán LPG                                    | 2.844.759.267.022        | 2.930.131.493.296        |
| (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.368.826.714)          | 5.262.445.151            |
| Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác               | 41.023.438.669           | 51.089.386.765           |
| <b>Tổng</b>                                        | <b>2.884.413.878.977</b> | <b>2.986.483.325.212</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                            | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND       |
|------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay                                 | 4.409.297.309        | 4.335.485.194         |
| Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính            | 243.500.000          |                       |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                                | -                    | 4.964.399.588         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                         | 1.974.281.613        | 6.218.695.960         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                       | 176.299.043          | 1.126.266.574         |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác                         | 110.685              | 28.754                |
| <b>Tổng</b>                                                | <b>6.803.488.650</b> | <b>16.644.876.070</b> |
| Trong đó,                                                  |                      |                       |
| <i>Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan</i> | <i>917.718.213</i>   | <i>757.817.528</i>    |
| <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>                   |                      |                       |

**6.4 Chi phí tài chính**

|                                     | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                     | 25.463.185.621        | 25.173.672.415        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện   | 12.571.648.583        | 19.639.930.175        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | -                     | 168.080.000           |
| Lỗ do mất kiểm soát Công ty con     | 3.523.025.300         | 3.229.134.166         |
| Chi phí tài chính khác              | 38.500                | 796.000               |
| <b>Tổng</b>                         | <b>41.557.898.004</b> | <b>48.211.612.756</b> |

**6.5 Chi phí bán hàng**

|                                              | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND        |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên                            | 85.809.869.873         | 79.926.947.782         |
| Chi phí nguyên vật liệu, bao bì              | 7.060.267.820          | 9.105.707.444          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng                     | 1.594.499.617          | 1.398.064.759          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                        | 3.671.753.808          | 4.248.107.228          |
| Chi phí liên quan đến vỏ bình gas, trong đó: |                        |                        |
| + Chi phí mua vỏ bình gas                    | 19.643.393.896         | 22.412.823.592         |
| + Chi phí sơn sửa, kiểm định vỏ bình gas     | 20.444.787.617         | 19.148.117.285         |
| + Chi phí thay van                           | 2.148.382.071          | 2.114.203.465          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                    | 68.316.967.778         | 60.217.059.655         |
| Chi phí bằng tiền khác                       | 13.821.422.234         | 9.670.413.716          |
| <b>Tổng</b>                                  | <b>222.511.344.714</b> | <b>208.241.444.926</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA**

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                    | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                          | 26.850.527.574        | 29.119.664.413        |
| Chi phí vật liệu quản lý                           | -                     | 62.526.628            |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                          | 267.739.775           | 211.279.703           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                              | 6.095.092.806         | 6.658.238.494         |
| Thuế phí và lệ phí                                 | 33.000.000            | 41.000.000            |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | 1.595.421.421         | (9.629.757.717)       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                          | 13.019.952.259        | 10.662.765.341        |
| Chi phí bằng tiền khác                             | 8.274.779.435         | 9.905.784.684         |
| Phân bổ lợi thế thương mại do hợp nhất kinh doanh  | 420.320.819           | 4.688.540.293         |
| Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh cửa hàng LPG    | 36.528.428.252        | 36.177.405.397        |
| <b>Tổng</b>                                        | <b>93.085.262.341</b> | <b>87.897.447.236</b> |

**6.7 Lợi nhuận khác**

|                                                                                          | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND      |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>                                                                     |                       |                      |
| Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định                                                     | 2.552.743.289         | 662.771.519          |
| Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ                                        | 2.659.118.963         | 3.064.344.427        |
| Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG                         | 2.641.039.897         | 3.693.557.902        |
| Kết chuyển doanh thu chưa thực hiện từ việc bán tài sản dài hạn cho Công ty liên kết (i) | 10.658.453.030        | 619.999.998          |
| Các khoản khác                                                                           | 1.520.934.933         | 602.800.927          |
| <b>Tổng</b>                                                                              | <b>20.032.290.112</b> | <b>8.643.474.773</b> |
| <b>Chi phí khác</b>                                                                      |                       |                      |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính                                                          | 3.697.536.408         | 103.051.874          |
| Chi phí thuê kho, văn phòng của chi nhánh, cửa hàng đang tạm ngưng hoạt động             | -                     | 192.500.000          |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý tháo dỡ                                     | -                     | 224.294.837          |
| Các khoản khác                                                                           | 324.538.133           | 828.634.987          |
| <b>Tổng</b>                                                                              | <b>4.022.074.541</b>  | <b>1.348.481.698</b> |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                                                    | <b>16.010.215.571</b> | <b>7.294.993.075</b> |

- (i) Công ty đã thực hiện kết chuyển toàn bộ doanh thu chưa thực hiện từ việc bán tài sản dài hạn cho Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung từ số dư năm trước chuyển sang vào thu nhập khác do Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty này trong năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

|                                                                                                             | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                               | 5.572.267.591         | -                 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 5.030.857.809         | 48.812.971        |
| <b>Tổng</b>                                                                                                 | <b>10.603.125.400</b> | <b>48.812.971</b> |

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

|                                                                                                          | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại   | 2.281.896.472        | 124.000.000            |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ    | -                    | (106.270.343)          |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | (2.769.302.448)      | (4.076.458.545)        |
| <b>Tổng</b>                                                                                              | <b>(487.405.976)</b> | <b>(4.058.728.888)</b> |

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                                      | Năm 2025       | Năm 2024      |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)                                       | 13.954.822.077 | 7.129.425.755 |
| Các khoản điều chỉnh                                                                 | -              | -             |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND) | 13.954.822.077 | 7.129.425.755 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)                      | 37.339.542     | 37.339.542    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                                              | 374            | 191           |

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                                                | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND        |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu                                  | 65.855.981.034         | 70.865.580.370         |
| Chi phí nhân công                                              | 127.401.907.820        | 124.029.849.930        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại | 16.843.637.534         | 25.067.580.605         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                      | 75.635.945.037         | 101.224.151.558        |
| Chi phí khác bằng tiền                                         | 62.423.734.873         | 40.315.850.289         |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi             | 1.595.421.421          | (9.629.757.717)        |
| (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho           | (1.368.826.714)        | 5.262.445.151          |
| <b>Tổng</b>                                                    | <b>348.387.801.005</b> | <b>357.135.700.186</b> |

1019  
3 TY  
IH  
OÁN  
TNA  
101

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA  
Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết và vụ kiện

a. Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm cho thuê kho bãi. Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                           | 31/12/2025<br>VND    | 01/01/2025<br>VND    |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống       | 2.523.272.724        | 3.364.363.632        |
| Từ 01 năm đến dưới 05 năm | -                    | 2.523.272.724        |
| Trên 05 năm               | -                    | -                    |
| <b>Tổng</b>               | <b>2.523.272.724</b> | <b>5.887.636.356</b> |

b. Vụ kiện

Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 25/2025/TL-KDTM ngày 14/02/2025 về việc “tranh chấp giữa Công ty và người quản lý của Công ty”, Nguyên đơn là Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và Bị đơn Ông Trần Minh Loan, nguyên Tổng Giám đốc của Công ty (hiện là cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Tập đoàn). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc Ông Trần Minh Loan phải bồi thường cho Công ty số tiền là 36.265.407.879 VND (trong đó: Số tiền 3.749.000.000 VND là khoản chênh lệch giữa giá mua thực tế đã thanh toán và giá mua được HĐQT chấp thuận liên quan đến việc mua 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo; ; số tiền 6.000.000.000 VND mà Công ty đã chuyển thanh toán cho Ông Ngô Mạnh Hùng theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023 nhưng không nhận được khoản lợi nhuận nào; số tiền 26.116.407.879 VND mà Công ty đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Công nghệ CETI và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ACOM; số tiền 400.000.000 VND là khoản chênh lệch giá mua mà Công ty phải thanh toán thêm cho Ông Phạm Huy Hoàng để mua 2% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang”. Tòa án sẽ mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Lần 1: Lúc 8h ngày 9/4/2026; Lần 2: 13h30 ngày 28/4/2026 (nếu Ông Loan vắng mặt lần 1); Phiên tòa xét xử sơ thẩm: Lần 1 vào lúc 8h ngày 18/5/2026, lần 2 vào lúc 8h ngày 12/6/2026, lần 3 (nếu có) vào lúc 8h ngày 29/6/2026 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh.

1019  
3 TY  
IH  
OÁN  
TNA  
101

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

| STT | Bên liên quan                                                                                                                                                          | Mối quan hệ                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Saisan Co., Ltd.                                                                                                                                                       | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể    |
| 2   | Công ty Cổ phần MT Gas                                                                                                                                                 | Công ty liên kết                   |
| 3   | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                                                                                                                                    | Công ty liên kết                   |
| 4   | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát                                                                                                                         | Công ty liên kết                   |
| 5   | Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                                                                                                                             | Công ty liên kết                   |
| 6   | Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                                                                                                                             | Công ty liên kết                   |
| 7   | Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                                                                                                                                          | Công ty liên kết                   |
| 8   | Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na                                                                                                                    | Công ty con của Công ty liên kết   |
| 9   | Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                                                                                                                               | Công ty liên kết                   |
| 10  | Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt                                                                                                            | Công ty liên kết                   |
| 11  | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn                                                                                                                              | Tổ chức liên quan đến người nội bộ |
| 12  | Công ty TNHH Sopet Gas One                                                                                                                                             | Tổ chức liên quan đến người nội bộ |
| 13  | Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                                                                                                                                 | Công ty liên kết                   |
| 14  | Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung                                                                                                                   | Công ty liên kết                   |
| 15  | Ông Lại Văn Tú                                                                                                                                                         | Kế toán trưởng                     |
| 16  | Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này | Ảnh hưởng đáng kể                  |

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Các bên liên quan                                                                                 | Tính chất giao dịch                                               | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác | Các khoản lương, tiền thưởng, thù lao, và các khoản thu nhập khác | 3.102.886.419   | 3.133.093.801   |

Chi tiết Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)

| Họ và tên               | Chức danh          | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|-------------------------|--------------------|-----------------|-----------------|
| Ông Tomohiko Kawamoto   | Chủ tịch           | -               | -               |
| Ông Kobayashi Naoki     | Thành viên         | -               | -               |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Thành viên         | -               | -               |
| Ông Nitta Kazufuku      | Thành viên độc lập | -               | -               |
| Ông Kentaro Jimba       | Thành viên độc lập | -               | -               |
| <b>Tổng</b>             |                    | -               | -               |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

| Họ và tên          | Chức danh  | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|--------------------|------------|-----------------|-----------------|
| Ông Kentaro Jimba  | Chủ tịch   | -               | -               |
| Ông Nitta Kazufuku | Thành viên | -               | -               |
| <b>Tổng</b>        |            | -               | -               |

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/ĐHĐCĐ.NQ-ASP ngày 27/6/2025, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán là 0 VND.

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

| Họ và tên               | Chức danh                                                                         | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Trần Minh Loan      | Nguyên Tổng Giám đốc                                                              |                      | 218.933.566          |
| Ông Kobayashi Naoki     | Tổng Giám đốc                                                                     | 546.393.986          | 538.384.763          |
| Ông Hosokoji Yu         | Nguyên Phó Tổng Giám đốc                                                          |                      | -                    |
| Ông Sakamoto Shinichiro | Phó Tổng Giám đốc                                                                 | 558.657.299          | 644.480.585          |
| Ông Trần Duy Luân       | Phó Tổng Giám đốc kiêm người phụ trách quản trị Công ty, thư ký Hội đồng quản trị | 1.282.125.569        | 676.305.500          |
| Ông Huỳnh Bửu Tuấn      | Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán                      |                      | 497.015.329          |
| Ông Lại Văn Tú          | Kế toán trưởng                                                                    | 715.709.565          | 557.974.058          |
| Ông Vũ Thanh Hòa        | Nguyên cán bộ phụ trách công bố thông tin                                         |                      |                      |
| <b>Tổng</b>             |                                                                                   | <b>3.102.886.419</b> | <b>3.133.093.801</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

| Các bên liên quan                                           | Tính chất giao dịch        | Năm 2025 VND           | Năm 2024 VND           |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Bán hàng</b>                                             |                            | <b>709.578.389.083</b> | <b>976.433.122.906</b> |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | Bán hàng hóa, dịch vụ khác | -                      | 821.591.948            |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | Bán LPG                    | 44.784.693.971         | 53.087.266.258         |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Bán LPG và hàng hóa khác   | 26.074.258.557         | 34.239.340.162         |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | Bán hàng hóa, cho thuê xe  | 104.629.694.237        | 39.420.363.243         |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | Bán LPG và dịch vụ khác    | 89.817.139.003         | 21.708.408.695         |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | Bán LPG                    | 141.228.553.143        | 47.020.446.556         |
| Công ty Cổ phần LPG Biển Đông                               | Bán LPG và dịch vụ khác    | 44.456.379.356         | 183.269.664.306        |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | Bán LPG                    | 67.304.186.351         | 81.787.716.141         |
| Công ty TNHH Sopet Gas One                                  | Bán LPG và dịch vụ khác    | 150.794.972.646        | 164.191.119.463        |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                      | Bán LPG và dịch vụ khác    | 20.596.583.930         | 341.411.735.936        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung        | Bán LPG, cho thuê xe       | 19.891.927.889         | 9.475.470.198          |

Đ.N:  
CỘ  
TN  
IẾM  
VII  
4A

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

| Các bên liên quan                                           | Tính chất giao dịch                      | Năm 2025 VND          | Năm 2024 VND          |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Mua hàng</b>                                             |                                          | <b>37.594.832.847</b> | <b>30.513.853.385</b> |
| Saisan Co., Ltd.                                            | Phí bảo lãnh tính dụng                   | 1.366.895.459         | 688.831.417           |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | 312.050.200           | -                     |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | Phí thuê kho gửi LPG, mua LPG, thuê xe   | -                     | 236.230.427           |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | Cước vận chuyển, thuê xe                 | 1.462.036.360         | 2.233.385.450         |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | Phí vận chuyển, chiết nạp                | 5.996.081.558         | 5.021.745.914         |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | 6.710.928.260         | 3.477.079.310         |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | 44.212.964            | 1.618.991.196         |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bình Khí Đốt Hong Vi Na         | Mua hàng hóa                             | 3.758.914.200         | 1.029.966.100         |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                      | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | 17.121.515.592        | 15.909.018.684        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung        | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | 822.198.254           | 297.645.637           |
| Công ty TNHH Sopet Gas One                                  | Mua hàng hóa, dịch vụ                    | -                     | 959.250               |
| <b>Giảm trừ doanh thu</b>                                   |                                          | <b>30.283.687.944</b> | <b>10.266.607.120</b> |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | Chiết khấu thương mại                    | 8.117.861.149         | 1.385.704.621         |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | Chiết khấu thương mại                    | 9.825.191.717         | 2.671.614.091         |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán | 12.340.635.078        | 4.356.694.090         |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                      | Chiết khấu thương mại                    | -                     | 1.852.594.318         |

0101  
GT  
HH  
TOÁ  
TNA  
01-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

| Các bên liên quan                              | Tính chất giao dịch                           | Năm 2025 VND       | Năm 2024 VND       |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Giao dịch cho vay</b>                       |                                               |                    |                    |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina            | Tiền gốc cho vay bằng cách chuyển đổi công nợ | 2.800.000.000      | 20.000.000.000     |
|                                                | Tiền gốc cho vay thu hồi                      | 15.000.000.000     | -                  |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Tiền gốc chỉ cho vay                          | 6.000.000.000      | -                  |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas     | Tiền gốc chỉ cho vay                          | -                  | 1.450.000.000      |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                     | Tiền gốc cho vay thu hồi                      | 475.000.000        | 3.800.000.000      |
| <b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>           |                                               | <b>917.718.213</b> | <b>757.817.528</b> |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                     | Lãi cho vay                                   | 8.151.782          | 255.516.162        |
| Công ty Cổ phần LPG Biên Đông                  |                                               | 280.000.000        | -                  |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát | Lãi cho vay                                   | 279.123.285        | -                  |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas     | Lãi cho vay                                   | 108.749.997        | 100.109.586        |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina            | Lãi cho vay                                   | 241.693.149        | 402.191.780        |
| <b>Giao dịch khác</b>                          |                                               | <b>-</b>           | <b>90.000.000</b>  |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                     | Doanh thu nhận trước cho thuê tài sản         | -                  | 90.000.000         |

c. Số dư với các bên liên quan

| Bên liên quan                                               | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>                     |                |                |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | 29.438.598.598 | 30.088.048.777 |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 4.898.177.695  | 7.253.189.744  |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 29.354.808.756 | 22.827.532.205 |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | 32.521.596.250 | 14.639.989.743 |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | 14.626.933.063 | 21.242.915.418 |
| Công ty Cổ phần LPG Biên Đông                               |                | 33.956.979.087 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | 4.513.430.305  | 8.401.831.451  |
| Công ty TNHH Sopet Gas One                                  | 1.731.615.173  | 18.705.295.182 |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                      | 27.386.164.542 | 43.934.711.764 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung        | 1.027.260.645  | 455.124.531    |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon  
Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng  
Phường Tân Mỹ, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

| Bên liên quan                                               | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Phải thu khác ngắn hạn</b>                               |                |                |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | 15.457.534     | 134.794.520    |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | 279.123.285    | -              |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 18.174.657     | 9.236.301      |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | -              | 16.678.356     |
| Ông Lại Văn Tú                                              | 400.000.000    | 400.000.000    |
| <b>Phải thu khác dài hạn</b>                                |                |                |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | -              | 293.000.000    |
| <b>Phải thu về cho vay</b>                                  |                |                |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | 2.800.000.000  | 15.000.000.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát              | 14.217.320.000 | 8.217.320.000  |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 5.520.000.000  | 5.520.000.000  |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 1.450.000.000  | 1.450.000.000  |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  |                | 475.000.000    |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>                          |                |                |
| Saisan Co., Ltd.                                            | 102.766.194    | -              |
| Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina                         | -              | 347.203.260    |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt | 106.272.000    | 106.272.000    |
| Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội                    | -              | 203.936.391    |
| Công ty Cổ phần MT Gas                                      | -              | 90.497.805     |
| Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung        | 39.503.322     | 66.178.781     |
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>                            |                |                |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | -              | 1.599.088.419  |
| <b>Phải trả dài hạn khác</b>                                |                |                |
| Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas                  | 2.085.553.883  | 1.895.880.000  |
| Công ty TNHH LPG Tiến Phát                                  | 5.853.937.222  | 5.172.286.250  |
| Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh                      | 4.802.550.000  | 4.282.550.000  |

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Kobayhashi Naoki



Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: [anphapetrol.com](http://anphapetrol.com)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

A red circular stamp of Anpha Petrol with the company name in the center and 'CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA' around the perimeter. Below the stamp is a blue ink signature.

**Kobayashi Naoki**  
**Tổng Giám đốc**

# Anpha Petrol®

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Số điện thoại: 028.5413 6338 – 028.5413 6339

Số Fax: 028.5413 6340

Website: [anphapetrol.com](http://anphapetrol.com)

Địa chỉ: Phòng 805, tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon,  
số 3 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh